Số: 2463/TB-SXD
Thời gian ký: 2024-09-10T11:14:15+07:00

Phụ lục I

(Đính kèm Thông báo số 2463 /TB-SXD ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp)

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Vicem Hà tiên 1 con lân PCB 40, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Doanh nghiệp tư nhân Hữu Tâm; địa chỉ: số 136 QL30, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 858699)		1,636	
2	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng INSEE PCB 40, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Doanh nghiệp tư nhân Hữu Tâm; địa chỉ: số 136 QL30, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 858699)		1,691	
3	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Vicem Hà tiên đa dụng, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2020		Công ty TNHH Xi măng Hà Tiên - XN TT & DV Xi măng Vicem Hà tiên; ĐT: 028 39151617, giá bán tại Nhà máy xi măng Kiên Lương; áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng niêm yết giá số 156/TTDV-PHTT ngày 27/3/2024 của Công ty		1,395	
4	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Vicem Hà tiên PCB 40, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2020		Công ty TNHH Xi măng Hà Tiên - XN TT & DV Xi măng Vicem Hà tiên; ĐT: 028 39151617, giá bán tại Nhà máy xi măng Kiên Lương; áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng niêm yết giá số 156/TTDV-PHTT ngày 27/3/2024 của Công ty		1,615	
5	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Vicem Hà tiên PCB 50, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2020		Công ty TNHH Xi măng Hà Tiên - XN TT & DV Xi măng Vicem Hà tiên; ĐT: 028 39151617, giá bán tại Nhà máy xi măng Kiên Lương; áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng niêm yết giá số 156/TTDV-PHTT ngày 27/3/2024 của Công ty		1,695	
6	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Vicem Hà tiên PCB 40-MS Bền Sulfat, bao 50kg	kg	TCVN 7711:2013		Công ty TNHH Xi măng Hà Tiên - XN TT & DV Xi măng Vicem Hà tiên; ĐT: 028 39151617, giá bán tại Nhà máy xi măng Kiên Lương; áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng niêm yết giá số 156/TTDV-PHTT ngày 27/3/2024 của Công ty		1,625	
7	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng ACIFA PCB 30, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Chi nhánh Công ty Cổ phần xây lắp An Giang (Nhà máy xi măng An Giang ACIFA) Đ/c: số 2435 Trần Hưng Đạo, Tổ 01, Khóm Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh Ang Giang - Nhà phân phối tại Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,364	
8	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng ACIFA PCB 40, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Chi nhánh Công ty Cổ phần xây lắp An Giang (Nhà máy xi măng An Giang ACIFA) Đ/c: số 2435 Trần Hưng Đạo, Tổ 01, Khóm Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh Ang Giang - Nhà phân phối tại Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,455	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
9	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng ACIFA PCB 50 (bền sun phát), bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Chi nhánh Công ty Cổ phần xây lắp An Giang (Nhà máy xi măng An Giang ACIFA) Đ/c: số 2435 Trần Hưng Đạo, Tổ 01, Khóm Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh Ang Giang - Nhà phân phối tại Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,545	
10	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng LAVICA PCB 40, bao 50kg	kg	TCVN 6260:2009		Công ty Xi măng LAVICA; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0932 999546; áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,491	
11	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng HA TIEN-GALAXY PCB 40, bao 50kg	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP NIPON LAVICA; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0707 948552 (Chị Hảo); áp dụng từ ngày 01/2024 theo Bảng giá của Công ty; Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		1,840	
12	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng NIPPON CEMENT, PCB 40, bao 50kg	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP NIPON LAVICA; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0707 948552 (Chị Hảo); áp dụng từ ngày 01/2024 theo Bảng giá của Công ty; Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		1,920	
13	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng INDOSTAR, PCB 40, bao 50kg	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP NIPON LAVICA; địa chỉ: Tổ 5, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0707 948552 (Chị Hảo); áp dụng từ ngày 01/2024 theo Bảng giá của Công ty; Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		1,840	
14	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Hạ Long PCB 40, bao 50kg	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long; Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, ĐT: 028 39301656; 0987 885592 - A. Kiên (áp dụng từ 9/8/2024, theo Bảng giá của Công ty; giá bán tại Nhà máy, Lô C25, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM		1,509	
15	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Hạ Long PCB 50, dạng rời	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long; Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, ĐT: 028 39301656; 0987 885592 - A. Kiên (áp dụng từ 9/8/2024, theo Bảng giá của Công ty; giá bán tại Nhà máy, Lô C25, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM		1,509	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
16	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB 40 và PCB 50 (bao 50kg)	kg	TCVN 6260:2009		Công ty TNHH MTV VLXD Xanh Hamaco; đ/c: KCN Sông Hậu, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,528	
17	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Các sản phẩm xi măng PCB 40 gồm: Cửu Long; Cửu Long 2; FUJIPRO; TOP ONE; Cần Thơ; Americancement; Mekong Cement; FCEM	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần 720; đ/c: Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; ĐT: 0918 415991 (A. Trường). Áp dụng từ tháng 04/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,544	
18	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	PCB 40 GREENCEM	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần 720; đ/c: Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; ĐT: 0918 415991 (A. Trường). Áp dụng từ tháng 04/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,526	
19	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	PCB 40 FUJIPRO cao cấp	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần 720; đ/c: Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; ĐT: 0918 415991 (A. Trường). Áp dụng từ tháng 04/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,581	
20	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	PCB 40 FUJIPRO đa dụng	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần 720; đ/c: Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; ĐT: 0918 415991 (A. Trường). Áp dụng từ tháng 04/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,563	
21	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Hà Tiên-(Đồng Tháp; Vị Thanh; Kiên Hải)	kg	QCVN 16:2019/BXD TCVN 6260-2020		Công ty cổ phần 720; đ/c: Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; ĐT: 0918 415991 (A. Trường). Áp dụng từ tháng 04/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,544	
22	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB 40	kg	TCVN 6260:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,560	
23	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	kg	TCVN 7711:2013; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,600	
24	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng hỗn hợp PCB 50	kg	TCVN 6260:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,800	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
25	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng xỉ lò cao PCB 40 loại II	kg	TCVN 4316:2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,600	
26	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng Póoc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 50	kg	ASTM C150-TYPE V; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		2,000	
27	Thành phố Cao Lãnh	Xi măng	Xi măng xây trát MC 25	kg	TCVN 9202:2012; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Phát triển Sài Gòn, Đ/c: số 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Q Bình Thạnh, TPHCM; ĐT: 0909 011628 (A. Phát), áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,480	
28	Thành phố Cao Lãnh	Cát xây dựng	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (cát oxit slic)	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp *(điểm bán Tắc Thầy Cai, TPCL và Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh)* . Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		268,182	
29	Thành phố Cao Lãnh	Cát xây dựng	Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (cát oxit slic)	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		263,636	
30	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1 x 2 Tân Cang	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		413,636	
31	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1 x 2 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		345,455	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
32	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1 x 2 Bình Dương	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		336,364	
33	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 4 x 6 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		300,000	
34	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 0 x 4 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		281,818	
35	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 0 x 4 Bình Dương	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		254,545	
36	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá mi sàn Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		272,727	
37	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá mi bụi Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Tại cửa hàng kinh doanh VLXD Trần Quốc Toản - Phường 11 - TPCL của Công ty cổ phần Xây lắp & VLXD Đồng Tháp. Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		263,636	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
38	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1 x 2 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		363,636	
39	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1 x 2 Bình Dương	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		336,363	
40	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 4x6 Biên Hòa	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		368,182	
41	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 4x6 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		309,090	
42	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 0 x 4 Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		281,818	
43	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 0 x 4 Bình Dương	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		263,636	
44	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá mi sàn Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		300,000	
45	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá mi sàn Bình Dương	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		300,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
46	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá mi bụi Thạnh Phú - Đồng Nai	m3			Giá bán tại Cửa hàng kinh doanh VLXD Cao Lãnh của Công ty cổ phần XL&VLXD Đồng Tháp (điểm bán Rạch Dầu, xã An Bình, huyện Cao Lãnh). Áp dụng từ ngày 24/7/2024 theo Thông báo số 104/TB-BMC ngày 24/7/2024 của Công ty, đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến công trình		263,636	
47	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xây	Gạch kiếng, KT: 20 x 20cm	viên					43,519	
48	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xây	Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)- EBlock – Rn = 3.5 Mpa: Quy cách: 7.5x20x60cm; 8x20x60cm; 10x20x60cm; 20x20x60cm	m3	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,590,909	
49	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xây	Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)- EBlock – Rn = 5 Mpa: Quy cách: 7.5x20x60cm; 8x20x60cm; 10x20x60cm; 20x20x60cm	m3	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,772,727	
50	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xây	Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)- EBlock – Rn = 7.5 Mpa: Quy cách: 7.5x20x60cm; 8x20x60cm; 10x20x60cm; 20x20x60cm	kg	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2017		Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		2,681,818	
51	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vữa xây chuyên dụng	kg	TCVN 9028:2011		Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,818	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
52	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vữa tô chuyên dụng	kg	TCVN 9028:2011		Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,367	
53	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Foam bọt chèn khe (chai 750ml)	chai			Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		77,273	
54	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bass neo tường	cái			Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,545	
55	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Lưới thủy tinh	m2			Công ty CP gạch khối Tân Kỹ Nguyên - Đơn vị phân phối khu vực Đồng Tháp: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại AN ĐỒNG, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		10,909	
56	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông đặc, Mác 100, KT: 40x80x180	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,198	
57	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông đặc, Mác 100, KT: 45x90x190	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,405	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
58	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông đặc, Mác 100, KT: 50x100x190	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,405	
59	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, Mác 75, 02 lỗ, KT: 80x80x180	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,446	
60	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, Mác 75, 04 lỗ, KT: 80x80x180	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,487	
61	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, Mác 75, 03 lỗ, KT: 100x190x390	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		6,612	
62	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, Mác 75, 03 lỗ, KT: 190x190x390	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		11,570	
63	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, Mác 75, 03 lỗ, KT: 90x90x190	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		6,612	
64	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông rỗng, 04 lỗ, KT: 90x90x190	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		6,612	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
65	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông khí chưng áp: Eblock-Rn=3.5MPA	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,620,370	
66	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông khí chưng áp: Eblock-Rn=5.0MPA	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,712,963	
67	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông khí chưng áp: Eblock-Rn=7.5MPA	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		2,083,333	
68	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Vữa xây chuyên dụng 25kg/bao	kg	TCVN 9028:2011		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,907	
69	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Vữa tô chuyên dụng 25kg/bao	kg	TCVN 9028:2011		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,444	
70	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Poam bọt chèn khe, chai 750ml	chai			Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		78,704	
71	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Bas neo tường	cái			Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		4,630	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
72	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Lưới thủy tinh	m			Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		11,111	
73	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông đặc, KT 40x80x180mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,361	
74	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông 4 lỗ, KT 80x80x180mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		1,787	
75	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông Block, KT 90x190x390mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		8,880	
76	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông Block, KT 100x200x400mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		9,528	
77	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông Block, KT 190x190x390mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		15,787	
78	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch bê tông Block, KT 200x200x400mm, Mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD/ TCVN 6477:2016		Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang;Công ty TNHH Xây dựng Thương mại An Đồng, số 71 Nguyễn Sinh Sắc, khóm Hoà Khánh, Phường 2, Tp. Sa Đéc; Điện thoại: 0939 117827 (chị Phương). Áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty An Đồng. (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình khu vực tỉnh Đồng Tháp)		15,787	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
79	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch không nung - KT: 80x80x180 (gạch ống)	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,310	
80	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch không nung - KT: 50x100x190 (gạch thẻ)	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,220	
81	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch không nung - KT: 100x190x390 (gạch 03 lỗ)	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		5,450	
82	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch không nung - KT: 190x190x390 (gạch 03 lỗ)	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		9,400	
83	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch vỉa hè - KT: 400x400x30 (màu xám)	m2	TCVN 7744: 2013		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		84,000	
84	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch vỉa hè - KT: 400x400x30 (màu xanh, vàng, đỏ)	m2	TCVN 7744: 2013		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		89,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
85	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch 45mmx90mmx190mm, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,370	
86	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch 100mmx190mmx390mm, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		6,880	
87	Thành phố Cao Lãnh	Gạch xi măng cốt liệu	Gạch 190mmx190mmx390mm, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa; Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang- Nhà máy bê tông Châu Thành: Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, An Giang; Điện thoại: 02963.835.787; 0931117067: Chị Thắm; 0907 636372 (A, Út) (đơn giá giao tại Nhà máy BT Châu Thành, áp dụng từ 05/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		12,180	
88	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C80 x 45, dày 1.8mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		64,545	
89	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C80 x 45, dày 2.0mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		70,909	
90	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C100 x 45, dày 1.8mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		70,909	
91	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C100 x 45, dày 2.0mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		77,273	
92	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C125 x 45, dày 1.8mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		77,273	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
93	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C125 x 45, dày 2.0mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		84,545	
94	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	C150 x 45, dày 2.0mm	m	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		93,636	
95	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	14x14, dày 1,1 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		56,187	
96	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	20x20, dày 1,2 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		89,729	
97	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	25x25, dày 1,2 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		113,870	
98	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	30x30, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		159,589	
99	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	40x40, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		215,990	
100	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	50x50, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		272,177	
101	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	75x75, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		408,052	
102	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	13x26, dày 1,1 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		80,542	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
103	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	20x40, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		159,589	
104	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	25x50, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		201,890	
105	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	30x60, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		244,191	
106	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	40x80, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		328,578	
107	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	50x100, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		412,966	
108	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	60x120, dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		497,781	
109	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 21 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		87,592	
110	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 27 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		111,734	
111	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 34 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		142,071	
112	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 42 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		180,526	
113	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 49 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		206,590	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
114	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 60 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		258,932	
115	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 76 dày 1,4 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		328,151	
116	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Phi 90 dày 1,8 ly	cây	JIS G3308		CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		492,227	
117	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Ø6 CT3 (MN)	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,000	
118	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Ø8 CT3 (MN)	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,000	
119	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, Ø10 SD 295 (dài 11,7m) MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		12,089	
120	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø12 SD 295 (dài 11,7m) MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,344	
121	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø14 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,421	
122	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø16 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,327	
123	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø18 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,423	
124	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø20 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,432	
125	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø22 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,689	
126	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø25 SD 295 (dài 11,7m), MN	kg	TCVN 1651-1: 2008		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,794	
127	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Ø6 CT3 (VN)	kg	JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,545	
128	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Ø8 CT3 (VN)	kg	JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,545	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
129	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn, Ø10 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,978	
130	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø12 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,956	
131	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø14 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,935	
132	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø16 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,942	
133	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø18 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,928	
134	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø20 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		13,920	
135	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø22 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,171	
136	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Ø25 SD 295 (dài 11,7m), VN	kg	JIS:G3115-SD295A		Cửa hàng VLXD Thành Trung, địa chỉ: Quốc lộ 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh (gần cầu Kênh Cụt, ĐT: 02773 820850)		14,279	
137	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Þ6 (CB240T)	kg	TCVN 1651-1: 2008		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,310	
138	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn Þ8 (CB240T)	kg	TCVN 1651-1: 2008		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,310	
139	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Þ10 (Gr40)	kg	TCVN 1651-1: 2008		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,480	
140	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Þ12-20 (CB300V/Gr40)	kg	ASTM A615/A615M-20		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,480	
141	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Þ10 (CB400/CB500)	kg	ASTM A615/A615M-20		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,310	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
142	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Þ12-32 (CB400/CB500)	kg	ASTM A615/A615M-20		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,310	
143	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn Þ36 (CB400/CB500)	kg	ASTM A615/A615M-20		Công ty CP Tập đoàn VAS Nghi Sơn, đ/c Nhà máy: Khu Kinh tế Nghi Sơn, Phường Hải Thượng, TX. Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, ĐT: 035 863 8322 (Chị Thịnh), giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển, áp dụng từ 20/8/2024 theo báo giá của Công ty		14,610	
144	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông vỉa hè, mác 300 - Cống bê tông ly tâm D300, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		245,370	
145	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông vỉa hè, mác 300 - Cống bê tông ly tâm D400, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		291,667	
146	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông vỉa hè, mác 300 - Cống bê tông ly tâm D600, dày 6cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		444,444	
147	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông vỉa hè, mác 300 - Cống bê tông ly tâm D800, dày 8cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		717,593	
148	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông vỉa hè, mác 300 - Cống bê tông ly tâm D1000, dày 9cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		1,000,000	
149	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông 0,65 HL93 (cấp tải tương đương H10-X60) mác 300 - Cống bê tông ly tâm D300, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		259,259	
150	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông 0,65 HL93 (cấp tải tương đương H10-X60) mác 300 - Cống bê tông ly tâm D400, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		309,259	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
151	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông 0,65 HL93 (cấp tải tương đương H10-X60) mác 300 - Cống bê tông ly tâm D600, dày 6cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		490,741	
152	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông 0,65 HL93 (cấp tải tương đương H10-X60) mác 300 - Cống bê tông ly tâm D800, dày 8cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		768,519	
153	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông 0,65 HL93 (cấp tải tương đương H10-X60) mác 300 - Cống bê tông ly tâm D1000, dày 9cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		1,062,963	
154	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông HL93, (cấp tải tương đương H30-HK 80), mác 300 - Cống bê tông ly tâm D300, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		271,296	
155	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông HL93, (cấp tải tương đương H30-HK 80), mác 300 - Cống bê tông ly tâm D400, dày 5cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		322,222	
156	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông HL93, (cấp tải tương đương H30-HK 80), mác 300 - Cống bê tông ly tâm D600, dày 6cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		550,000	
157	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông HL93, (cấp tải tương đương H30-HK 80), mác 300 - Cống bê tông ly tâm D800, dày 8cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		833,333	
158	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống bê tông HL93, (cấp tải tương đương H30-HK 80), mác 300 - Cống bê tông ly tâm D1000, dày 9cm	m	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		1,136,111	
159	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống - D300	cái	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		112,963	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
160	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống - D400	cái	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		122,222	
161	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống - D600	cái	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		145,370	
162	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống - D800	cái	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		194,444	
163	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống - D1000	cái	Tiêu chuẩn 22TCN 272-05		Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 02/01/2024 theo Thông báo số 02/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		254,630	
164	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		288,000	
165	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 5,5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		375,000	
166	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 6 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		484,000	
167	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 7 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		561,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
168	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D700 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		772,000	
169	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		858,000	
170	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L= 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 10 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		1,341,000	
171	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		288,000	
172	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5,5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		375,000	
173	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 6 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		540,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
174	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 7 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		620,000	
175	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D700 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		900,000	
176	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L= 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		993,000	
177	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L=2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 10 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		1,449,000	
178	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		293,000	
179	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 5,5 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		391,000	
180	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 6 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		552,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
181	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 7 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		627,000	
182	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D700 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		909,000	
183	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 8 cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		1,007,000	
184	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L= 2,5m và 3m)H30-XB 80, mác 300, dày 10cm	m	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		1,477,000	
185	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D300	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		87,000	
186	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D400	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		98,000	
187	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D500	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		127,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
188	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D600	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		146,000	
189	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D700	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		167,000	
190	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D800	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		182,000	
191	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.000	cái	Tiêu chuẩn 22 TCN 18-79		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi) - đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, áp dụng từ ngày 01/6/2024		267,000	
192	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D300 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3 MPA)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		260,000	
193	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D300 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		270,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
194	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D300 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		280,000	
195	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D400 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		305,000	
196	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D400 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		318,000	
197	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D400 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		325,000	
198	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D600 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		450,000	
199	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D600 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		510,000	
200	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D600 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		535,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
201	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D800 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		720,000	
202	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D800 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		790,000	
203	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D800 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		905,000	
204	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1000 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,185,000	
205	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1000 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,280,000	
206	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1000 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		1,450,000	
207	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1200 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		2,310,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
208	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1200 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		2,370,000	
209	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1200 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		2,480,000	
210	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1500 (cống dọc đường, hoạt tải 3x10-3Mpa)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		2,755,000	
211	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1500 (cống qua đường, hoạt tải 65%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		2,975,000	
212	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cống BTLT D1500 (cống qua đường, hoạt tải 100%HL93)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787 (áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		3,200,000	
213	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT 20x20cmx800N, M250 đá 1x2 Thạnh phú Đồng Nai, thép chủ Þ14, sức chịu tải của cọc theo vật liệu tối đa 50 tấn (*)	m			Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Thông báo số giá của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		263,889	
214	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT 25x25cmx800N, M250 đá 1x2 Thạnh phú Đồng Nai, thép chủ Þ16, sức chịu tải của cọc theo vật liệu tối đa 80 tấn (*)	m			Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Thông báo số giá của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		365,741	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
215	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT 30x30cmx800N, M250 đá 1x2 Thạnh phú Đồng Nai, thép chủ Þ18, sức chịu tải của cọc theo vật liệu tối đa 140 tấn (*)	m			Cty CP Xây lắp & VLXD Đồng Tháp (giá giao lên phương tiện bên mua tại xưởng sản xuất -Khu CN Trần Quốc Toản - Phường 11) áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Thông báo số giá của Công ty), ĐT: 02773 890366, ĐT: 02773 890366		462,963	
216	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 6D7.1, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bề dày thành: 60mm; Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm; Cường độ bê tông mác 60 Mpa. Tải trọng làm việc 50 tấn, tải trọng giới hạn 100 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		275,000	
217	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 7D7.1, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bề dày thành: 65mm; Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm; Cường độ bê tông mác 60 Mpa. Tải trọng làm việc 60 tấn, tải trọng giới hạn 120 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		360,000	
218	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D7.1, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bề dày thành: 80mm; Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm; Cường độ bê tông mác 60 Mpa. Tải trọng làm việc 80 tấn, tải trọng giới hạn 160 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		485,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
219	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 14D7.1, thép đai: D4; Lcọc=12m; Bề dày thành: 90mm; Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 100mm, dày 2mm; Cường độ bê tông mác 60 Mpa. Tải trọng làm việc 125 tấn, tải trọng giới hạn 205 tấn.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		760,000	
220	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 18D7.1, thép đai: D4; Lcọc=12m; Bề dày thành: 100mm; Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 100mm, dày 2mm; Cường độ bê tông mác 60 Mpa. Tải trọng làm việc 170 tấn, tải trọng giới hạn 340 tấn.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		975,000	
221	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 200x200mm; Thép chủ: 4D14, thép đai: D6; Lcọc=8m; BT mác 300 Thép tấm đầu cọc: 200x200mm, dày 6mm; Pvl = 50 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		280,000	
222	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm; Thép chủ: 4D16, thép đai: D6; Lcọc=10m; BT mác 300 Thép tấm đầu cọc: 250x250mm, dày 6mm; Pvl = 85 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		410,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
223	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm; Thép chủ: 4D18, thép đai: D6; Lcọc=11.8m; BT mác 300 Thép tấm đầu cọc: 250x250mm, dày 6mm; Pvl=88 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		440,000	
224	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm; Thép chủ: 4D18, thép đai: D6; Lcọc=11,8m; BT mác 300 Thép tấm đầu cọc: 300x300mm, dày 8mm; Pvl=115 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		560,000	
225	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm; Thép chủ: 4D20, thép đai: D6; Lcọc=11.8m; BT mác 300 Thép bích đầu cọc: 300x300mm, dày 8mm; Pvl = 120 tấn	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		610,000	
226	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm; Thép chủ: 4D20, thép đai: D6; Lcọc=8m. Thép tấm đầu cọc: 300x300mm, dày 8mm.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		720,000	
227	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm; Thép chủ: 4D22, thép đai: D6; Lcọc=11.8m. Thép tấm đầu cọc: 300x300mm, dày 8mm.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		740,000	
228	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W225-A. Cáp cường: 8D12.7; Lcọc =6m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		1,065,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
229	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W300-A. Cáp cường: 10D12.7; Lcọc =10m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		1,265,000	
230	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W350-A. Cáp cường độ cao: 14D12.7; Lcọc =12m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		1,580,000	
231	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-A. Cáp cường độ cao: 16D12.7; Lcọc =12m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		1,780,000	
232	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-A. Cáp cường độ cao: 16D15.2; Lcọc =14m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		2,250,000	
233	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-A. Cáp cường độ cao: 20D15.2; Lcọc =16m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		2,580,000	
234	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-A. Cáp cường độ cao: 28D15.2; Lcọc =20m.	md	JIS A 5335-1987		CÔNG TY TNHH MTV Bê tông TICCO, Địa chỉ: Lô 1-6, Khu công nghiệp Mỹ Tho, cầu Bình Đức, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. áp dụng từ ngày 01/6/2024 - ĐT: 0913.846 564 hoặc 0969.907 970 (A. Lợi)		3,140,000	
235	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BT li tâm dự ứng lực - D300 (Pdh = 63,3T; Pvl = 126,6T)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		246,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
236	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BT li tâm dự ứng lực - D350 (Pdh = 86,0T; Pvl = 172,0T)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		298,000	
237	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BT li tâm dự ứng lực - D400 (Pdh = 112,6T; Pvl = 225,2T)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		415,000	
238	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BT li tâm dự ứng lực - D500 (Pdh = 175,9T; Pvl = 351,9T)	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		635,000	
239	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT dự ứng lực TD 100 x 100-40Mpa ≥ M400; L ≥ 2m	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		56,000	
240	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT dự ứng lực TD 120 x 120-40Mpa ≥ M400; L ≥ 4m	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		68,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
241	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc BTCT dự ứng lực TD 150 x 150-40Mpa ≥ M400; L ≥ 5m	m	TCVN 7888:2014		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		88,000	
242	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm2	TD 100 x 100-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m, Pvl=4,18 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		62,900	
243	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm3	TD 120 x 120-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m, Pvl=8,77 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		80,000	
244	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm4	TD 150 x 150-35Mpa ≥ M400; L ≥ 2m, Pvl=22,5 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		111,700	
245	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm5	TD 200x200-35MPA≥M400, đoạn mũi (7m ≤ L ≤ 8m); Pvl=50 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		239,000	
246	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm6	TD 200x200-35MPA≥M400, đoạn mũi (4m ≤ L ≤ 7m); Pvl=50 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		258,500	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
247	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm7	TD 200x200-35MPA≥M400, đoạn có nối cọc (7m ≤ L ≤ 8m); Pvl=50 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		252,300	
248	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm8	TD 200x200-35MPA≥M400, đoạn có nối cọc (4m ≤ L ≤ 7m); Pvl=50 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		271,200	
249	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm9	TD 250x250-35MPA≥M400, đoạn mũi (6m ≤ L ≤ 10m); Pvl=80 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		361,000	
250	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm10	TD 250x250-35MPA≥M400, đoạn mũi (4m ≤ L ≤ 6m); Pvl=80 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		389,800	
251	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm11	TD 250x250-35MPA≥M400, đoạn có nối cọc (6m ≤ L ≤ 10m); Pvl=80 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		370,200	
252	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn dự ứng lực, Ra=14.200kg/cm12	TD 250x250-35MPA≥M400, đoạn có nối cọc (4m ≤ L ≤ 6m); Pvl=80 tấn	m	TCVN 5574:2018		Công ty Cổ phần xây dựng Bách Khoa, Địa chỉ: số 39 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Quý, TP.Long Xuyên, An Giang - Nhà máy bê tông Châu Thành : Ấp Bình Phú 2 , Xã Bình Hòa , Huyện Châu Thành , An Giang; Điện thoại : 02963.835.787 ; Fax : 02963.833.787; 0931 117 067 (Thắm) (đơn giá giao tại Nhà máy, áp dụng từ 06/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty).		399,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
253		Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 100mm x 100mm, L= 1,0 - 4,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 11,5 tấn; Pdh = 5,525 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		65,000	
254	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 120mm x 120mm, L= 1,0 - 5,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 15,9 tấn; Pdh = 7,95 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		75,000	
255	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 150mm x 150mm, L= 1,0 - 6,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 24,86 tấn; Pdh = 12,43 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		105,000	
256	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 200mm x 200mm, L < 8,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 44,2 tấn; Pdh = 22,1 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		200,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
257	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 200mm x 200mm, L= 8,0 - 10,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 44,2 tấn; Pdh = 22,1 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		245,000	
258	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 250mm x 250mm, L < 8,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 69 tấn; Pdh = 34,5 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		260,000	
259	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông bê tông dự ứng lực; Thép dự ứng lực cường độ: 14.400 kg/cm2; Bê tông mác 400 - Tiết diện 250mm x 250mm, L= 8,0 - 12,0 mét, khả năng chịu tải đầu cọc Pvl = 69 tấn; Pdh = 34,5 tấn	m	TCVN 9114:2012		Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		300,000	
260	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Hộp nối cọc tiết diện 150mm x 150mm, Dày 6mm hàn robot	cái			Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		129,000	
261	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Hộp nối cọc tiết diện 200mm x 200mm, Dày 6mm hàn robot	cái			Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		189,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
262	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Hộp nối cọc tiết diện 250mm x 250mm, Dày 6mm hàn robot	cái			Công ty TNHH MTV Thái Sơn An Giang; Địa chỉ: Tỉnh lộ 943, Tổ 32, Ấp Vĩnh Trung, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang; ĐT: 0919.333.442 gặp ông Trần Việt Hồ (Phó Giám đốc phụ trách) hoặc ĐT: 0939.321717 gặp ông Trần Việt Hảo (đại diện khu vực Đồng Tháp); Giá bán tại TP Cao Lãnh, TP Sa Đéc với điều kiện xe đậu đỗ được và không trung chuyển, áp dụng từ ngày 01/5/2024 (theo CV số 42/CV-TS-2024 ngày 17/5/2024 của Công ty)		259,000	
263	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.280 (H8); L= 6m, 7m, 8m, 9m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2023 theo Thông báo giá ngày 02/5/2023 của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		605,000	
264	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.280 (H8); L= 9m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		605,000	
265	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.400 (H8); L=9m, 10m, 12m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		806,000	
266	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.500 (H8); L=15m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		950,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
267	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.650 (H8); L=18m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,368,000	
268	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.280 (50%HL93); L= 6m, 7m, 8m, 9m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,640,000	
269	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.400 (50%HL93); L=9m, 10m, 12m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,798,000	
270	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.500 (50%HL93); L=15m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,066,000	
271	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.650 (50%HL93); L=18m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,221,000	
272	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.280 (65%HL93); L= 6m, 7m, 8m, 9m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,604,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
273	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.400 (65%HL93); L=9m, 10m, 12m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,774,000	
274	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.500 (65%HL93); L=15m	m			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,030,000	
275	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.650 (65%HL93); L=18m	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,184,600	
276	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.12,5m mới, tải trọng thiết kế HL93	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		36,340,000	
277	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.18,6m mới, tải trọng thiết kế HL93	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		64,850,000	
278	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I.24,54m, tải trọng thiết kế HL93	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		109,400,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
279	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DUL I.33,0m, tải trọng thiết kế HL93	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		197,800,000	
280	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm bản rỗng BTCT dự ứng lực - Dầm bản rỗng BTCT DUL, L=15m	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		108,000,000	
281	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm bản rỗng BTCT dự ứng lực - Dầm bản rỗng BTCT DUL, L=20m	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		162,000,000	
282	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Dầm bản rỗng BTCT dự ứng lực - Dầm bản rỗng BTCT DUL, L=24m	dầm			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		204,000,000	
283	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Lan can, tường hộ lan	kg			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		54,000	
284	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 200x150x25 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		414,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
285	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 250x150x25 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		516,000	
286	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 300x150x25 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		624,000	
287	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 350x150x25 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		720,000	
288	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 200x150x25 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		624,000	
289	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 200x150x33 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		828,000	
290	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 250x150x25 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		780,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
291	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 350x150x25 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,092,000	
292	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép 300x150x28 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		696,000	
293	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép 300x150x39 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		968,400	
294	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép 300x150x42 mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,042,800	
295	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép 300x150x44mm	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,092,000	
296	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 250x300x40 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,452,000	
297	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 250x300x50 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		1,554,000	
298	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 506x203x50 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,126,400	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
299	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 560x203x50 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,352,000	
300	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su 600x300x65 mm cốt bản thép	cái			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		4,843,200	
301	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Khe co giãn cao su 260x1000x50 mm	md			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		3,456,000	
302	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Khe thép răng lược MSRS 22-20A mạ kẽm	md			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		7,140,000	
303	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông đúc sẵn	Cao su chèn khe 50x40mm	md			CÔNG TY CP Duy Giang; Đ/c: L31, đường số 45, Khu dân cư 586, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TPCT, ĐT: 0292 3918335; 0913 339499 (Chị Hà) (áp dụng từ ngày 02/5/2024 theo Thông báo giá của Công ty); giá bán tại xưởng sản xuất, địa chỉ: Thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang		2,520,000	
304	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,226,852	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
305	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,287,037	
306	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,388,889	
307	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,305,556	
308	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,365,741	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
309	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Cao Lãnh, trung tâm huyện Thanh bình; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,467,593	
310	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,236,111	
311	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,296,296	
312	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Thạnh Phú - Đồng Nai, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,370,370	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
313	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,314,815	
314	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,375,000	
315	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300, cung cấp đến khu vực trung tâm thành phố Sa Đéc, trung tâm huyện Châu Thành; cốt liệu: cát sông Tiền - Đồng Tháp, xi măng công nghiệp đa dụng, phụ gia hóa dẻo, đá 1x2 Tân Cang - Biên Hòa, độ sụt (10±2) cm, R28	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,449,074	
316	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Thi công bơm bê tông	m3			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		92,593	
317	Thành phố Cao Lãnh	Bê tông thương phẩm	Khối lượng thực hiện cho 01 lần bơm từ 20m3 trở xuống	lần bơm			Công ty CP Xây Lắp & VLXD Đồng Tháp, điện thoại : 0277.3858959 - 3872717, nhà máy bê tông: 0277.3890366, áp dụng từ ngày 02/01/2024, theo Thông báo số 03/TB.BMC-NMBT ngày 02/01/2024 của Công ty Xây lắp, chưa bao gồm chi phí bơm), chưa bao gồm chi phí bơm)		1,851,852	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
318	Thành phố Cao Lãnh	Gỗ xây dựng	Gỗ: Cà chất; kiềng kiềng (xẻ quy cách, chiều dài ≤5,0m)	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hai Võ, địa chỉ: QL 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0913 698118 - 0946 888099		23,100,000	
319	Thành phố Cao Lãnh	Gỗ xây dựng	Gỗ Trâm (xẻ quy cách, chiều dài ≤5,0m)	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hai Võ, địa chỉ: QL 30, xã Mỹ Tân, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0913 698118 - 0946 888099		13,900,000	
320	Thành phố Cao Lãnh	Gỗ xây dựng	Gỗ Kiềng kiềng (xẻ quy cách, chiều dài ≤5,0m)	m3			Doanh nghiệp tư nhân Thanh Hải, địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 857350		20,400,000	
321	Thành phố Cao Lãnh	Gỗ xây dựng	Gỗ Trâm (xẻ quy cách, chiều dài ≤5,0m)	m3			Doanh nghiệp tư nhân Thanh Hải, địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 857350		12,500,000	
322	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch sản xuất tại địa phương - Gạch đá mài 40x40 dày 3.2cm loại 1	m2			Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		106,481	
323	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch sản xuất tại địa phương - Gạch công nghệ con sâu dày 5cm	m2			Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		120,370	
324	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo, KT (400x400x32)mm	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		93,704	
325	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bê tông tự chèn Mác 200, KT: (300x300x50)mm	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		106,944	
326	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bê tông tự chèn Mác 200, KT: (400x400x40)mm	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		106,944	
327	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bê tông tự chèn: Gạch con sâu dày 50mm	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		117,130	
328	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bê tông tự chèn: Gạch chữ nhật, KT: (100x200x60)mm	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Minh Anh - Địa chỉ: số 247, Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 02773 877438		122,222	
329	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 30x30 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		196,079	
330	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 40x40 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		179,739	
331	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) - 60x30 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		206,971	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
332	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 60x30 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		266,884	
333	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 60x30 (màu đậm)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		288,671	
334	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite hạt mè):- 60x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		234,205	
335	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite hạt mè):- 80x80 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		299,564	
336	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 60x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		266,884	
337	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 60x60 (màu đậm)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		288,671	
338	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh (Granite nhân tạo): - 120x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		397,604	
339	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp- 30x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		234,205	
340	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp- 60x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		234,205	
341	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp-80x80 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		310,457	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
342	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp- 90x90 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		397,604	
343	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp- 120x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		397,604	
344	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh bóng kiếng: - 60x60 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		255,992	
345	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh bóng kiếng: - 60x60 (màu đậm)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		299,564	
346	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh bóng kiếng: - 80 x 80 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		321,351	
347	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh bóng kiếng: - 80x80 (màu đậm)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		343,137	
348	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch thạch Anh bóng kiếng: - 90x90 (màu nhạt)	m2	TCVN: 7745-2007; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP công nghiệp gốm sứ Taicera, địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai: ĐT: 0918. 304105 (A. Thắng); (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		386,710	
349	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb 25x25cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		99,510	
350	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt nhóm BIIb 30x30cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		252,520	
351	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain giả gỗ, Không mài canh, nhóm BIb 15x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		202,230	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
352	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain không mài cạnh, nhóm BIb 10x30cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		263,220	
353	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb 30x30cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		101,650	
354	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm BIII 40x80cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		273,920	
355	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, nhóm BIII 30x30cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		199,020	
356	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIII 25x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		99,510	
357	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh, nhóm BIII 30x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		194,740	
358	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIb 40x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		98,440	
359	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic men bóng, không mài cạnh, nhóm BIIb 20x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		156,220	
360	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic, khuân dị hình, không mài cạnh, nhóm BIIb 20x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		211,860	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
361	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số, nhóm BIIa 50x50cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		123,050	
362	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic mài cạnh, nhóm BIIa 50x50cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		112,350	
363	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain mài cạnh, nhóm BIb 50x50cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		160,500	
364	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain men bóng, mài cạnh, nhóm BIa 60x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		242,890	
365	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain cao cấp, men mờ, mài cạnh, nhóm BIa 60x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		273,920	
366	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain Bóng/mờ, mài cạnh, nhóm BIa 60x90cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		374,500	
367	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain Bóng/mờ, mài cạnh, nhóm BIa 30x90cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		374,500	
368	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain men mờ, mài cạnh, nhóm BIa 30x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		304,950	
369	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh, nhóm BIa 15x90cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		385,200	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
370	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh, nhóm BIa 15x80cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		315,650	
371	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh, nhóm BIa 15x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		294,250	
372	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain Bóng/mờ, mài cạnh, nhóm BIa 60x120cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		620,600	
373	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain hiệu ứng đặc biệt (Sugar Effect, Carving Effect, Chống mài mòn, Kháng khuẩn...) nhóm BIa 60x120cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		695,500	
374	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain hiệu ứng đặc biệt (Sugar Effect, Carving Effect, Chống mài mòn, Kháng khuẩn...) nhóm BIa 80x80cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		438,700	
375	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain hiệu ứng đặc biệt (Sugar Effect, Carving Effect, Chống mài mòn, Kháng khuẩn...), nhóm BIa 80x120cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		1,011,150	
376	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain Bóng/mờ, mài cạnh, nhóm BIa 80x120cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		952,300	
377	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelainhiệu ứng đặc biệt (Sugar Effect, Carving Effect, Chống mài mòn, Kháng khuẩn...) nhóm BIa 60x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		337,050	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
378	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch porcelain bóng/mờ, mài cạnh, nhóm BIa 80x80cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		349,890	
379	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Kĩ thuật số, mài cạnh, nhóm BIII 25x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		109,140	
380	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Xương đỏ, mài cạnh, nhóm BIIa 60x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		141,240	
381	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Xương đỏ, mài cạnh, nhóm BIII 30x60cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		145,520	
382	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh, nhóm BIIa 40x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		114,490	
383	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS,mài cạnh, nhóm BIIa 40x40cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		109,140	
384	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa 50x50cm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2007		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		104,860	
385	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ, nhóm BIb 60x60cm	m3	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2008		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		210,000	
386	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ, nhóm BIb 30x60cm	m4	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009		Công ty TNHH MTV TM & XNK PRIME, ĐT: 0983 199 083 (Phạm Thu Hiền) - Đại lý tại Đồng Tháp: Công ty TNHH MTV VLXD Thái Hoàng, Số 059 - Ấp An Nghiệp - Xã An Bình - Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp; ĐT: 0976 990 799 (áp dụng từ tháng 4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		213,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
387	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 30x60cm PGM3601, 3602,..., PGP 3601, 3602,..., PM 3680,...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		327,273	
388	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 40x80cm PGM4801, 4802, 4803..	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		359,273	
389	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 60x60cm PGM6601, 6602,... PGB 6601, 6602,... , PTL661, PEM6601,02,....	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		317,273	
390	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 80x80cm PGB8801, 8802…PGM8801, 8802..	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		385,273	
391	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 60x120cm PED61201, 61202, 61203,..., PEM61201,02,...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		603,273	
392	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 15x90cm PK 159022, 28, PGT 15901, 15902,....	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		463,273	
393	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Granite kỹ thuật số kích thước 20x120cm: MDK212,…	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		506,873	
394	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Dòng sản phẩm gạch Granite dày 2cm (color body) KT: 30x60cm, 60x60cm, 45x90cm	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		1,677,363	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
395	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Dòng sản phẩm Granite double-charge kích thước 60x60cm PG1,PG2, PG3, PG4, 6612, 6615,6617,..., PG5 6601,02,..	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		473,091	
396	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Dòng sản phẩm Granite double-charge kích thước 80x80cm PG1,PG2, PG3, PG4, 8812, 8815,8817,..., PG5 8801,02,..	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		495,091	
397	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 30x60cm PCM3602, 3603 ..PCM3610, 3611 .. PF3600, 3601, 3602, PKT3638, 3639 …	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		193,091	
398	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 30x45cm PBQ, PB4500, 4501, 4502, 4503,...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		165,091	
399	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 25x40cm PQ, PC-2500, 03, 76....	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		143,091	
400	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Ngói S03,06,….	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		377,091	
401	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Gạch bông kích thước 20x20cm (PH22….) Semi-porcelain Plaitum	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		529,622	
402	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 30x30cm PUM, PKS, PCM3301, 02, 03 .. PNP, PFN, PNQ, PSP301, 302, 303…..	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		169,091	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
403	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic Cotto kích thước 40x40cm D401, 402, ..., 413, PD401, 402, ..., 413, Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 40x40cm, PK, PM, PSP, PV, PR401...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		167,091	
404	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Ceramic kỹ thuật số kích thước 50x50cm GM, KM, H,KQ501, 502, 503, 505.. 510,519,… PGM, PKM,PH,PKQ501, 502, 503, 505, ...510, 519...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		155,091	
405	Thành phố Cao Lãnh	Gạch ốp lát	Sản phẩm gạch Semi-porcelain kỹ thuật số kích thước 30x60cm, PSM, PVHP, PBS 3601, 3602, 3603,...	m2	TCVN 13113:2020; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP kinh doanh gạch ốp lát VILACERA, Đ/c: số 433, Cộng Hòa, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM; ĐT:0938 111801 (A. Sang); áp dụng từ ngày 01/4/2024 theo CV số 54/VIKD-DA ngày 22/3/2024 của Công ty)		223,091	
406	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói lợp 10 viên/m2, rộng 33cm, dài 42cm, trọng lượng 4kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		17,500	
407	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc (3,3 viên/md), trọng lượng 3kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		28,500	
408	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói rìa (3,0 viên/md), trọng lượng 3,1kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		28,500	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
409	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối rìa, trọng lượng 2,9kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		33,500	
410	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói ghép 2, trọng lượng 3,5kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		33,500	
411	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối nóc, trọng lượng 4,8kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		40,500	
412	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối mái, trọng lượng 4kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		40,500	
413	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chạc 3, trọng lượng 5,1kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		47,500	
414	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chạc 4, trọng lượng 6,4kg	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		47,500	
415	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Sơn ngói (trọng lượng 02 kg, gồm 13 màu tương ứng)	hộp			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		290,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
416	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm lợp thay vữa (bộ dài 3m)	bộ			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		694,444	
417	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói lấy sáng Thái Lan, KT: (33x42) cm, 10viên/m2	viên			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		259,259	
418	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Máng xối (thanh dài 2m)	thanh			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		212,963	
419	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Thanh mè (thanh dài 4m, dày 0,55mm)	thanh			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		120,370	
420	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Kẹp ngói cắt (hộp 50 cái)	hộp			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		462,963	
421	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm dán ngói	hộp			Công ty TNHH Ngói bê tông SCG (Việt Nam) - Địa chỉ: Số 9, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0906 553 808 (A. Bình); 0835 857774 (A Hậu) (giá bán đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, áp dụng từ 01/01/2024)		231,481	
422	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.40mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		88,189	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
423	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.45mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		94,955	
424	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.50mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		100,896	
425	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 Phủ AF: 0.55mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		106,545	
426	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Solar AZ100 2 lớp cực mát: 0.40mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		98,217	
427	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Solar AZ100 2 lớp cực mát: 0.45mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		106,370	
428	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Solar AZ100 2 lớp cực mát: 0.50mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		113,641	
429	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh Solar AZ100 2 lớp cực mát: 0.55mmx1200mm TCT G550	m	ASTM A792/A792M-10 (2015); JIS G3321: 2012; BSEN 10346: 2015		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		120,648	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
430	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40mmx1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		100,900	
431	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		109,280	
432	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		117,190	
433	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.60mmx1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		134,265	
434	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10: 0.40mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		113,978	
435	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10: 0.45mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		124,636	
436	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10: 0.50mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		132,689	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
437	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10: 0.55mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		142,173	
438	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 25/10: 0.45mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		133,111	
439	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 25/10: 0.50mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		142,583	
440	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 25/10: 0.55mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		151,183	
441	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 25/10: 0.60mm x 1200mm APT G550	m	JIS 3322:2012; ASTM A755/A755M-15		Công ty TNHH Tôn Pomina - Đ/c: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, ĐT: 0926 063386 - áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo CV số 52/2024/PMN ngày 01/5/2024 của Công ty, giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp		163,883	
442	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh 0.4mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		103,636	
443	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh 0.45mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		113,636	
444	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh 0.5mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		125,455	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
445	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ 100, 0.57mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		125,455	
446	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ 150, 0.57mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		129,091	
447	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu 0.4mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		112,727	
448	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu 0.45mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		122,727	
449	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu 0.5mm	m			CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ HOA SEN, CHI NHÁNH: CAO LÃNH 3; Đ/c: số 255, QL30, TPCL, ĐT; ĐT: 02773 857316, áp dụng từ ngày 01/3/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		134,545	
450	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước trong nhà- Bột trét nội thất cao cấp; (0,8/1,0)kg/m2	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,841	
451	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước trong nhà-Sơn lót kháng kiềm nội thất màu trắng (KV-109); (10-12)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		92,330	
452	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước trong nhà-Sơn nội thất cao cấp màu trắng (SG168); (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		56,818	
453	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước trong nhà-Sơn nội thất cao cấp màu nhạt OW, P (SG168); (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		75,285	
454	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước ngoài trời - Bột trét ngoại thất cao cấp; (0,8/1,0)kg/m2	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,773	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
455	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước ngoài trời - Sơn lót kháng kiềm ngoại thất màu trắng (K-207); (11,11-13,89)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		131,648	
456	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước ngoài trời- Sơn ngoại thất không bóng màu trắng (K-265); (8-9)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		128,523	
457	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova - Mastic và sơn nước ngoài trời- Sơn ngoại thất cao cấp màu trắng (SG265);màu nhạt (13-16)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		139,886	
458	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Kova- Chống thấm sàn CT 11A Plus	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		136,869	
459		Sơn	Sơn Kova- Chống thấm phụ gia bê tông CT-11B	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		115,909	
460	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu chống rỉ sét cho sắt thép:- Sơn dầu Somic chống rỉ sét màu đỏ chu	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		90,909	
461	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu chống rỉ sét cho sắt thép:- Sơn dầu Somic chống rỉ sét màu xám	"	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		90,909	
462	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu trên bề mặt sắt và gỗ các màu:- Sơn dầu Somic màu chuẩn theo bảng màu	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		136,364	
463	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu trên bề mặt sắt và gỗ các màu:- Sơn dầu Somic màu đặt biệt 111, F11, 000, 444, 332, 333	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		181,818	
464	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu trên bề mặt sắt và gỗ các màu:- Sơn dầu Somic màu nhũ vàng 999	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		381,818	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
465	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót trên bề mặt có mạ kẽm:- Sơn Somic lót 2K trên bề mặt có mạ kẽm, màu trắng, màu xám	kg/bộ	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		318,182	
466	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót trên bề mặt có mạ kẽm:- Sơn Somic lót EPOXY trên bề mặt có mạ kẽm xám	kg/bộ	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		181,818	
467	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ trên lớp lót trên bề mặt có mạ kẽm- Sơn Somic phủ 2K và EPOXY màu chuẩn trên bảng màu	kg/bộ	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		345,455	
468	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước nội thất Puma - Bột trét nội thất, (0,8/1,0)kg/m2	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		7,955	
469	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước nội thất Puma -Sơn lót kháng kiềm nội thất; (10-12)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		75,757	
470	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước nội thất Puma -Sơn nội thất màu trắng; (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		60,606	
471	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước nội thất Puma -Sơn nội thất màu nhạt OW, P; (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		70,707	
472	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước ngoại thất Puma- Bột trét ngoại thất, (0,8/1,0)kg/m2	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,636	
473	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước ngoại thất Puma-Sơn lót kháng kiềm ngoại thất; (10-12)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		106,061	
474	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước ngoại thất Puma-Sơn ngoại thất màu trắng; (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		101,010	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
475	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic & sơn nước ngoại thất Puma-Sơn ngoại thất màu nhạt OW, P; (12,8-14)m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		111,111	
476	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm Puma-Chống thấm sàn, bê tông, sê nô, sân thượng, tầng mái	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		104,545	
477	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm Puma-Chống thấm đa năng sàn, bê tông, sê nô, sân thượng, tường đứng … (hệ lăn)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		90,909	
478	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Matic dẻo đa năng (Bộ 2 thành phần/25kg)	kg			Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,182	
479	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót NANO đa năng (thùng 15 lít)	lít			Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		272,727	
480	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ NANO đa năng - bóng (thùng 15 lít)	lít			Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		254,545	
481	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ NANO đa năng - siêu bóng (thùng 15 lít)	lít			Công ty TNHH TM-DV-XD Minh Chánh, Địa chỉ: Số 318, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0916 904439; (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		345,455	
482	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ ngoại thất (ATOM SUPER) thùng 18 lít, độ phủ 12-15m2/lít /lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		147,273	
483	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót ngoại thất (PROS) thùng 18 lít, độ phủ 7-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		179,273	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
484	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét ngoại thất (METTON), bao 40kg; 0,95kg/m2	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,825	
485	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ nội thất (ACCORD) thùng 18 lít, độ phủ 9-12m2/lít /lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		65,859	
486	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót nội thất (PROSIN) thùng 18 lít, độ phủ 7-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		105,742	
487	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét nội thất (METTON), bao 40kg; 1,15kg/m2	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		7,463	
488	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TCVN 2102:2008		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		94,100	
489	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		31,100	
490	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPV25)	kg	TCVN 8791:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		33,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
491	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JZPT25)	kg	TCVN 8791:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		24,500	
492	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang (JZPV25)	kg	TCVN 8791:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		25,500	
493	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)	kg	AASHTO		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		44,100	
494	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)	kg	AASHTO		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		46,500	
495	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)	kg	TCVN 8787-2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		153,000	
496	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)	kg	TCVN 8787:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		190,500	
497	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear : 3,9Kg và Hạt phản quang: 1.1Kg)	kg	TCVN 8791:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		212,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
498	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Hạt phản quang	kg	BS 6088A		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		25,000	
499	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Jothiner Joway	lít	TCVN 8787:2011		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		86,000	
500	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót Epoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		178,500	
501	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		414,100	
502	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót Epoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		203,700	
503	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Matic gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		81,200	
504	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ Epoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP L.Q JOTON (ĐC: 188C, Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TPHCM, ĐT :0899387779 (A.Ánh); 0934 191517 (C. Loan) (áp dụng từ ngày 31/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		306,364	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
505	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét nội thất KOVA MSG (bao 40kg)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		8,252	
506	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét ngoại thất KOVA Vila (bao 40kg)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		11,073	
507	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót nột thất kháng kiềm KOVA K108 (thùng 18 lít; độ phủ 89m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		71,409	
508	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nột thất KOVA Vila (thùng 18 lít; độ phủ 1011m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		78,389	
509	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nột thất KOVA lovely (thùng 18 lít; độ phủ 1011m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		64,500	
510	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K208 (thùng 18 lít; độ phủ 89m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		147,934	
511	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất chống thấm KOVA Vila (thùng 18 lít; độ phủ 1112m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		126,646	
512	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất chống thấm KOVA SG268 (thùng 18 lít; độ phủ 1112m2/lít/lớp)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		142,369	
513	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT11A hai thành phần (35kg)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		55,875	
514	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL5 sàn	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		157,636	
515	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn công nghiệp Epoxy KOVA KL5 sàn, tường	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		399,273	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
516	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK6	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		100,000	
517	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT08	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Kova Nanopro; đ/c: 92G-92H Nguyễn Hữu Cảnh, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ĐT: 36.913.8191, áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		301,091	
518	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước nội thất - Sơn nội thất Extra - B66, độ phủ: 8-9m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		69,091	
519	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước nội thất - Sơn nội thất bóng mờ Extra – B1, độ phủ: 8-9m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		130,909	
520	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước nội thất - Sơn nội thất bóng Extra – B3, độ phủ: 8-9m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		144,545	
521	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước nội thất - Sơn lót kháng kiềm nội thất, độ phủ: 7-8m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		67,273	
522	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước nội thất - Bột trét nội thất Extra	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		5,455	
523	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Sơn ngoại thất Extra – B6, độ phủ: 9-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		90,909	
524	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Sơn ngoại thất Extra – B8, độ phủ: 9-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		104,545	
525	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Sơn ngoại thất bóng mờ Extra – B2, độ phủ: 9-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		181,818	
526	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Sơn ngoại thất bóng Extra – B4, độ phủ: 9-10m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		200,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
527	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Sơn lót kháng kiềm nội thất, độ phủ: 7-8m2/lít/lớp	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		68,182	
528	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mastic và Sơn nước ngoại thất - Bột trét ngoại thất Extra	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		6,364	
529	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm sàn, sê nô	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		72,727	
530	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm tường đứng	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Sơn MAXIKAILA - Cửa hàng sơn Thịnh Vượng - địa chỉ: số 328, đường Phạm Nhơn Thuần, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp - điện thoại: 0903.851.381: A Hậu, áp dụng từ tháng 7/2024 theo Bảng giá của Công ty		68,182	
531	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét nội thất (bao 40kg)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		10,159	
532	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét ngoại thất (bao 40kg)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		15,275	
533	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm nội thất Matex sealer (thùng 17lít, độ phủ 12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		917,059	
534	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất Vatex (thùng 17lít, độ phủ 12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		54,000	
535	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất Matex (thùng 18 lít, độ phủ 12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		115,111	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
536	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất Odour-less, Spot-less (thùng 18 lít, độ phủ 12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		277,667	
537	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm ngoại thất Super Matex sealer (thùng 17lít, độ phủ 12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		143,412	
538	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất Super Matex (thùng 18lít, độ phủ 12,7m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		162,000	
539	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất Super Grad (thùng 18lít, độ phủ 12,9m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Nippon Paint Việt Nam; Đ/c: Số 14, Đường 3A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai ; điện thoại: 0251 3836579 (A. Hải), áp dụng từ tháng 01/2024 theo Bảng báo của Công ty		267,500	
540	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn trong nhà - In Green (độ phủ: 10-12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		49,100	
541	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn trong nhà - Regal In (độ phủ: 10-12m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		74,800	
542	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn trong nhà - Extra Clean (độ phủ: 11-13m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		84,800	
543	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn trong nhà - Gloss IN (độ phủ: 11-13m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		155,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
544	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn trong nhà trắng trần – CEIL WHITE (độ phủ: 9-11m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		82,000	
545	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót trong nhà - Primer In (độ phủ: 10-13m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		90,500	
546	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoài nhà - Ex Green (độ phủ: 9-11m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		90,100	
547	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoài nhà -Regal Ex (độ phủ: 11-13m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		130,500	
548	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoài nhà -Gloss EX (độ phủ: 13-15m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		194,900	
549	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoài nhà -Super Gloss EX (độ phủ: 13-15m2/lít)	lít	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/6/2024 theo Bảng báo giá số 03/BG_2024 ngày 01/06/2024 của Đại lý)		300,000	
550	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót ngoài nhà - Primer Ex (độ phủ: 11-13m2/lít)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		108,000	
551	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm màu-Waterproofing (độ phủ: 4-5m2/lít)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		125,600	
552	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm - Waterproof (độ phủ: 4-5m2/lít)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		114,600	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
553	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét nội thất K2 (1-1,2kg/m2)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		9,000	
554	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét ngoại thất K1 (1-1,2kg/m2)	kg	TCVN 7239:2014; QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		9,500	
555	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm thẩm thấu Hydrosave H7	lít	TC 1504-2; Tiêu chuẩn Châu Âu		Công ty TNHH sơn KOTO paint Đồng Tháp - Đại lý tại Cao Lãnh: số 579, Nguyễn Thái Học, P. Hòa Thuận, TP Cao Lãnh ; đện thoại: 0907 535 332 (A. Toại) (áp dụng từ 01/02/2024 theo Bảng báo giá số 02/BG-2024 ngày 16/02/2024 của Công ty)		250,000	
556	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Màng phản quang giao thông 3M 3900	m2	ASTM D4956		Công ty Cổ phần V-MARK, địa chỉ: 57/5F, Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; văn phòng: L.E Lexington, 67 Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2; điện thoại: 028.73034488 - di động 0937217139		436,784	
557	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo V-Mark	kg	TCVN 8791:2011		Công ty Cổ phần V-MARK, địa chỉ: 57/5F, Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; văn phòng: L.E Lexington, 67 Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2; điện thoại: 028.73034488 - di động 0937217139		42,420	
558	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót đường V-Mark	kg	ASTM C881-02		Công ty Cổ phần V-MARK, địa chỉ: 57/5F, Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; văn phòng: L.E Lexington, 67 Mai Chí Thọ, phường An Phú, Quận 2; điện thoại: 028.73034488 - di động 0937217139		55,420	
574	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUPERMIX-INT (white)	Kg			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		6,500	
575	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUPERMIX-EXT (white)	Kg			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		8,200	
576	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRAMATT (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		42,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
577	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRAMATT – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		57,600	
578	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRALAST (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		60,000	
579	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRALAST – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		76,800	
580	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRATOP (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		156,000	
581	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRATOP – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		186,000	
582	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRASHIELD (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		97,800	
583	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRASHIELD – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		114,600	
584	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	VICOAT SUPER (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		170,000	
585	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	VICOAT SUPER – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		185,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
586	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	FLEXICOAT DÉCOR (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		133,200	
587	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	FLEXICOAT DÉCOR – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		141,600	
588	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TILESHIELD (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		174,000	
589	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TILESHIELD – Màu 1-2-3	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		192,000	
590	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	PENETRATING PRIMER (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		90,000	
591	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRAPRIME SUPER (white)	Lít			Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		132,000	
592	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	TERRA KEO	Lít	TCVN 7239-2014		Sơn Terraco - Công ty TNHH MTV Truyện Nhân, địa chỉ chi nhánh: số 132/33, Võ Trường Toản, Phường 1, Thành Phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 093 9991499 (Anh Xuyên), áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo CV số 24.2024/TBG-TN ngày 01/8/2024 của Công ty TNHH MTV Truyện Nhân		170,000	
593	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột bả nột thất (bao 40 kg)	kg	TCVN 7239-2014		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		9,545	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
594	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột bả nột thất và ngoại thất (bao 40 kg)	kg	TCVN 7239-2014		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		11,227	
595	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột bả ngoại thất (bao 40 kg)	kg	TCVN 7239-2014		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		12,636	
596	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất (18 lít)	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		137,727	
597	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất (18 lít)	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		181,616	
598	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nước nội thất 3 in 1 (18 lít)	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		59,595	
599	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất cao cấp dễ lau chùi	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		116,010	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
600	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		236,515	
601	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất siêu trắng	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		101,111	
602	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn mịn ngoài	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		138,939	
603	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất chống phai màu	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		186,717	
604	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		320,959	
605	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống thấm	Lit	TCVN 8562 - 2012		Công ty CP sơn JYMEC VIỆT NAM - Chi nhánh tại TPHCM, đ/c: số 189/28 KP4, đường Dương Đình Hộ, phường Phước Long B, TP Thủ Đức; ĐT: 0989 740510 (A. Cường); 0704 944799 (A. Nhân) áp dụng từ tháng 6 năm 2024 theo CV số /2024/JM của Công ty		196,767	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
606	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	BỘT TRÉT TƯỜNG WEATHERSHIELD E1000 DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD PUTTY E1000	kg	TCVN 7239:2014		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		14,643	
607	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	BỘT TRÉT TƯỜNG WEATHERSHIELD E1000 PLUS DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD PUTTY E1000 PLUS	kg	TCVN 7239:2014		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		14,375	
608	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	BỘT TRÉT TƯỜNG NỘI THẤT DIAMOND A1000 DULUX PROFESSIONAL PUTTY DIAMOND A1000	kg	TCVN 7239:2014		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		13,919	
609	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	BỘT TRÉT TƯỜNG NGOẠI THẤT E700 DULUX PROFESSIONAL PUTTY E700	kg	TCVN 7239:2014		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		12,578	
610	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	BỘT TRÉT TƯỜNG NỘI THẤT A500 DULUX PROFESSIONAL PUTTY A500	kg	TCVN 7239:2014		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		10,057	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
611	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT CHỐNG KIỀM DULUX PROFESSIONAL E1000 DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD SEALER E1000	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		184,688	
612	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL DIAMOND A1000 DULUX PROFESSIONAL DIAMOND SEALER A1000	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		183,019	
613	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL E700 DULUX PROFESSIONAL EXTERIOR SEALER E700	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		151,612	
614	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL E500 DULUX PROFESSIONAL EXTERIOR SEALER E500	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		114,961	
615	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL A500 DULUX PROFESSIONAL INTERIOR SEALER A500	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		105,306	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
616	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN LÓT NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL A300 DULUX PROFESSIONAL INTERIOR SEALER A300	kg	QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		67,820	
617	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD FLEXX MỜ DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD FLEXX MATT	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		368,839	
618	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD FLEXX BÓNG DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD FLEXX SHEEN	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		368,839	
619	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD OCEANGUARD DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD OCEANGUARD	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		358,351	
620	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD E1000 MỜ DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD E1000 MATT	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		328,255	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
621	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD E1000 BÓNG DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD E1000 SHEEN	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		328,255	
622	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD EXPRESS DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD EXPRESS	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		309,409	
623	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL E700 MỜ DULUX PROFESSIONAL EXTERIOR E700 MATT	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		179,682	
624	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NGOẠI THẤT DULUX PROFESSIONAL E500 MỜ DULUX PROFESSIONAL EXTERIOR E500 MATT	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		105,068	
625	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN HIỆU ỨNG DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD CREATION STONETEX (*) DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		140,570	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
626	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN HIỆU ỨNG DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD CREATION SANDTEX (*) DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD CREATION SANDTEX	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		144,775	
627	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN HIỆU ỨNG DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD CREATION ACRYLTEX (*) DULUX PROFESSIONAL WEATHERSHIELD	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		68,311	
628	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL DIAMOND CARE DULUX PROFESSIONAL DIAMOND CARE	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		277,121	
629	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL DIAMOND A1000 DULUX PROFESSIONAL DIAMOND A1000	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		268,599	
630	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL LAU CHÙI HIỆU QUẢ WASHABLE DULUX PROFESSIONAL INTERIOR WASHABLE	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		127,893	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
631	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL KHÁNG KHUẨN ANTI-BACTERIA DULUX PROFESSIONAL INTERIOR ANTI-BACTERIA	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		113,352	
632	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL LAU CHÙI CLEANABLE DULUX PROFESSIONAL INTERIOR CLEANABLE	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		98,631	
633	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL A500 DULUX PROFESSIONAL INTERIOR A500 MATT	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		76,104	
634	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SƠN NỘI THẤT DULUX PROFESSIONAL A390 DULUX PROFESSIONAL INTERIOR A390	kg	QCVN 16:2019/ BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN 8652:2020		CÔNG TY TNHH AKZO NOBEL VIỆT NAM, Đ/c: Lô E-1-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước TX Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Mức giá áp dụng từ ngày 01/8/2024		55,305	
635	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn mịn nội thất A100 (Thùng 18L. Độ phủ 9-11m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		53,056	
636	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn mịn nội thất cao cấp A200 (Thùng 18L. Độ phủ 10-12m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		103,000	
637	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất lau chùi A600 (Thùng 18L. Độ phủ 11-13m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		250,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
638	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn bóng nội thất cao cấp A700 (Thùng 18L. Độ phủ 13-15m2/lít 02 lớp	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		275,000	
639	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất A500 (Thùng 18L. Độ phủ 9-11m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		121,389	
640	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn mịn ngoại thất A40 (Thùng 17L. Độ phủ 9-11m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		86,111	
641	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn mịn ngoại thất cao cấp A900 (Thùng 17L. Độ phủ 9-11m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		157,059	
642	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp A1200 (Thùng 17L.Độ phủ 13-15m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		365,000	
643	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nhũ vàng ngoại thất A9999 (Lon 1kg. Độ phủ 9-10m2/kg 02 lớp)	kg	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		540,000	
644	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng ngoại thất A1500 (Thùng 20kg. Độ phủ 4-5m2/kg 02 lớp)	kg	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		143,000	
645	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống thấm màu cao cấp ngoại thất A1600 (Thùng-17L.Độ phủ 5-6m2/lít 2 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		232,941	
646	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ bóng Clear ngoại thất A1700 (Lon 5L. Độ phủ 11-14m2/lít 02 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		CÔNG TY TNHH SƠN ATEN MIỀN TÂY, Số 02, Kênh 8000, Khóm 3, TT.Mỹ An, H.Tháp Mười, T.Đồng Tháp; ĐT: ĐT: 0974 181838 (A Nhựt); áp dụng từ ngày 01/02/2024		275,000	
647	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét Tison- Unilic trong nhà (40 kg)	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		7,750	
648	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét Tison- Unilic ngoài trời (40 kg)	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		10,250	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
649	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm Hi-Sealer ngoài trời, trong nhà 5 lít (loại 1)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		163,600	
650	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm Hi-Sealer ngoài trời, trong nhà 18 lít (loại 1)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		155,444	
651	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm Hi-Sealer 5 lít ,ngoài trời ,trong nhà (loại 2)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		124,200	
652	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống kiềm Hi-Sealer 18 lít ,ngoài trời ,trong nhà (loại 2)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		116,778	
653	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất Tison 18 lít (Win Win)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		48,722	
654	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Tison lăn trong 3,8kg (Win Win)	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		58,158	
655	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn nội thất Tison Unilic 18 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		86,167	
656	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic trong 5 lít (thùng thiết)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		112,800	
657	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic Satin- sơn nội thất cao cấp 18 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		189,389	
658	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic Satin - sơn nội thất cao cấp 5 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		225,600	
659	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 1 kg (ngoài trời),trắng, màu nhạt	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		163,000	
660	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 1 kg (ngoài trời), 1 chấm đỏ	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		186,000	
661	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 1 kg (ngoài trời), 2 chấm đỏ	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		205,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
662	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 5 lít (ngoài trời),trắng, màu nhạt	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		129,800	
663	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 5 lít (ngoài trời), 1 chấm đỏ	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		155,600	
664	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 5 lít (ngoài trời), 2 chấm đỏ	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		177,000	
665	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 17 lít (ngoại thất),trắng, màu nhạt	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		120,000	
666	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 17 lít (ngoài trời), 1 chấm đỏ	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		144,765	
667	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Suppercoat Pro 17 lít (ngoài trời), 2 chấm đỏ	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		162,471	
668	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 1 lít	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		287,000	
669	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 1 lít 1 chấm	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		323,000	
670	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 1 lít 2 chấm	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		368,000	
671	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 1 lít 3 chấm	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		417,000	
672	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn ngoại thất Tison Unilic 5 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		261,400	
673	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 5 lít 1 chấm	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		290,400	
674	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 5 lít 2 chấm	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		339,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
675	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 5 lít 3 chấm	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		374,400	
676	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 5 lít 3 chấm	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		357,800	
677	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic ngoài 5 lít sơn ngói	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		261,400	
678	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic Gold ngoài trời 5 lít (siêu chống thấm, siêu bền màu)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		435,400	
679	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Unilic Gold ngoài trời 1 lít (siêu chống thấm, siêu bền màu)	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		450,000	
680	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Unilic Anti-stain chống ố vàng - 3kg	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		127,667	
681	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Unilic Anti-stain chống ố vàng - 1kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		130,000	
682	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ bóng Unilic topcoat 5 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		190,200	
683	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ bóng Unilic topcoat 1lít	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		198,000	
684	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ bóng Unilic top coat 5 lít có kim tuyến	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		218,000	
685	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn phủ bóng Unilic top coat 1 lít có kim tuyến	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		237,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
686	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Flinkote Tison 1kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		111,000	
687	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Flinkote Tison 4kg	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		91,750	
688	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn Flinkote Tison 18kg	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		84,056	
689	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Keo chống thấm sàn và vách không pha xi măng 3.5 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		140,857	
690	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Keo chống thấm sàn và vách không pha xi măng 18 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		144,889	
691	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	chống thấm ngược ss10 - 1 lít	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		193,000	
692	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	chống thấm ngược ss 10 - 4 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		191,750	
693	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Chống thấm nền bê tông và vách song 15 lít (có pha xi măng)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		169,333	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
694	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu Tison 3 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		156,667	
695	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu Tison 1 kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		144,000	
696	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu Tison 0.5 kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		80,000	
697	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu Tison 18 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		151,722	
698	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu bóng mờ Tison 18 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		151,722	
699	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu bóng mờ Tison 3 lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		156,667	
700	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu bóng mờ Tison 0.85 kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		146,000	
701	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn dầu bóng mờ Tison 0.5 kg	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		82,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
702	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống rĩ Tison (4 kg)	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		86,500	
703	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống rĩ Tison (1 kg)	lon			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		90,000	
704	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn chống rĩ Tison (18 lít)	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		107,667	
705	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn kẽm Tison 2in1 , 18lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		162,556	
706	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn kẽm Tison 2in1 , 3lít	lít			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		177,667	
707	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn kẽm Tison 2in1 , 1 kg	kg			CÔNG TY TNHH SƠN TISON; ĐC: Khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0274 3754167; áp dụng từ ngày 01/6/2024		154,000	
708	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Eco Interior. Sơn nội thất cao cấp (8-9 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		44,444	
709	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Fine Interior. Sơn siêu mịn nội thất (10-12 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		73,182	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
710	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN:Clear Interior. Sơn nội thất lau chùi hiệu (12-14 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		124,697	
711	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN:Gloss Interior. Sơn bóng nội thất cao cấp, công nghệ Nano (12-14 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		182,828	
712	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Pearl Interior. Sơn siêu bóng nội thất cao cấp, công nghệ Nano (13-16 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		222,172	
713	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: EcoExterior. Sơn ngoại thất cao cấp, công nghệ Nano (8-9 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		98,788	
714	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Nano Shield. Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp, công nghệ Nano (10-12 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		153,455	
715	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN; Gloss Exterior Sơn bóng ngoại thất cao cấp,công nghệ Nano (13-16 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		222,172	
716	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Pearl Exterior. Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp, công nghệ Nano (13-16 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		263,586	
717	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Colorful Watershield. Sơn chống thấm màu cao cấp, công nghệ Nano (13-16 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		217,424	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
718	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Watershield. Sơn chống thấm chuyên dụng cho sàn, tường (2-3 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		157,980	
719	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN: Eco Primer. Sơn lót kháng kiềm nội thất (8-9 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		86,869	
720	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN:Exterior Primer. Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp (8-9 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		102,677	
721	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	SUDIN:SuperPrimer. Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp (10-12 m2 /Lít/1 lớp)	lít	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		155,152	
722	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột bả cao cấp nội thất (1-1.3kg/ m2 /1 lớp)	kg			Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		8,182	
723	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột bả cao cấp ngoại thất (1-1.3kg/ m2 /1 lớp)	kg			Công ty TNHH KTXD HOÀNG MINH; số 30/1, đường số 2, tổ 17, Khu phố 2, Phường Tân Quy, Quận 7, TPHCM; ĐT: 0977655168 (Anh Tuấn), áp dụng từ ngày 01/5/2024 theo Bảng báo giá của Công ty.		9,773	
724	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn TOA - Sơn lót chống kiềm nội thất loại 1, thùng 18 lít; độ phủ: 9,5-12,7m2/lít/lớp	lít			Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phượng Thảo-Đ/c: số 23A, Trần Thị Nhượng, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0907 336588 (A. Thảo). Áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo CV số 02 ngày 03/4/2024 của Công ty		103,500	
725	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn TOA - Sơn lót chống kiềm ngoại thất loại 1, thùng 18 lít; độ phủ: 9,5-12,7m2/lít/lớp	lít			Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phượng Thảo-Đ/c: số 23A, Trần Thị Nhượng, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0907 336588 (A. Thảo). Áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo CV số 02 ngày 03/4/2024 của Công ty		130,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
726	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn TOA - Sơn nội thất loại 1, thùng 18 lít; độ phủ: 9,3-12,3m2/lít/lớp	lít			Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phượng Thảo-Đ/c: số 23A, Trần Thị Nhượng, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0907 336588 (A. Thảo). Áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo CV số 02 ngày 03/4/2024 của Công ty		185,000	
727	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Sơn TOA - Sơn ngoại thất loại 1, thùng 18 lít; độ phủ: 9,3-12,3m2/lít/lớp	lít			Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phượng Thảo-Đ/c: số 23A, Trần Thị Nhượng, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0907 336588 (A. Thảo). Áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo CV số 02 ngày 03/4/2024 của Công ty		211,250	
728	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Bột trét nội & ngoại thất loại 1, bao 40kg; độ phủ: 1,2-1,3m2/kg/lớp	kg			Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Phượng Thảo-Đ/c: số 23A, Trần Thị Nhượng, Phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0907 336588 (A. Thảo). Áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo CV số 02 ngày 03/4/2024 của Công ty		13,575	
729	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Nana bronze for interior Sơn nội thất cao cấp mờ sang trọng (10-12m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		107,167	
730	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Nana titan for interior Sơn nước nội thất bóng cao cấp, lau chùi hiệu quả (12-14m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		260,111	
731	Thành phố Cao Lãnh		Mykolor Nana silver for exterior Sơn ngoại thất cao cấp bền đẹp (11-13m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		279,667	
732	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Nana titan for exterior Sơn nước ngoại thất bóng, lau chùi hiệu quả (12-14m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		370,056	
733	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Nana hardseal n01 Sơn chống thấm cao cấp chuyên dụng trực tiếp tường (6-8m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		239,056	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
734	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Nana sealer for interior Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp (9-11m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		170,222	
735	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor nana sealer for exterior Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp (10-12m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		237,444	
736	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor nana filler for interior & for exterior Bột trét nội, ngoại thất cao cấp (1.0-1.3m2/kg)	Kg			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		11,075	
737	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch for ilka finish Sơn nội thất ilka (10-12m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		122,444	
738	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch semigloss for int Sơn nước nội thất bóng semi (12-14m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		262,278	
739	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch shiny for exterior Sơn nước ngoại thất cao cấp (11-13m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		281,944	
740	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch semigloss for exterior Sơn nước ngoại thất bóng semi (12-14m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		373,056	
741	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch seal T1000 Sơn chống thấm chuyên dụng trực tiếp tường t1000 (6-8m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		253,556	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
742	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch alkali seal for interior Sơn lót chống kiềm nội thất cao cấp (9-11m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		182,167	
743	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor Touch sealer for exterior Sơn lót chống kiềm ngoại thất cao cấp (10-12m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		254,556	
744	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor touch filler for interior & for exterior Bột trét nội, ngoại thất cao cấp (1.0-1.3m2/kg)	Kg			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		11,650	
745	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor walcare matt for interior Sơn nội thất dự án mờ sang trọng (11-13m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		68,667	
746	Thành phố Cao Lãnh	Sơn	Mykolor walcare matt for exterior Sơn ngoại thất dự án mịn màng quí phái (11-13m2/lít)	Lít			CÔNG TY TNHH TVTKXD QUANG HƯNG; Ấp Phú Hưng, Xã Phú Hựu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0901 473959 (A. Hiếu); áp dụng từ tháng 7/2024		199,111	
751	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần chìm thạch cao khung Vĩnh tường (phẳng)	m2	ASTM : C636		Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tường Tượng, số 20 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp, điện thoại: 0277. 3871331 (Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt), theo báo giá của Công ty Vĩnh Tường Tượng		101,852	
752	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần chìm thạch cao khung Vĩnh tường (giựt cấp)	m2	ASTM : C636		Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tường Tượng, số 20 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp, điện thoại: 0277. 3871331 (Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt), theo báo giá của Công ty Vĩnh Tường Tượng		125,000	
753	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần chi nổi tấm Uco (thạch cao) khung Vĩnh Tường	m2	ASTM : C636		Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tường Tượng, số 20 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp, điện thoại: 0277. 3871331 (Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt), theo báo giá của Công ty Vĩnh Tường Tượng		112,037	
754	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần chi nổi tấm nhựa khung Vĩnh Tường	m2	ASTM : C636		Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tường Tượng, số 20 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp, điện thoại: 0277. 3871331 (Bao gồm chi phí nhân công lắp đặt), theo báo giá của Công ty Vĩnh Tường Tượng		120,370	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
755	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** Clip-in 600x600x0.6mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		478,300	
756	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** Clip-in 600x600x0.7mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		509,200	
757	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) A**luwin** Lay-in T-Black 600x600x0.6mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng làm từ hợp kim nhôm siêu bền, đi kèm khung xương đồng bộ và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		569,500	
758	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** Lay-in T-Black 600x600x0.7mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trăng làm từ hợp kim nhôm siêu bền, đi kèm khung xương đồng bộ và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		609,900	
759	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** G85x0.6mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		580,300	
760	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** R150-200R-x0.6mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		625,500	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
761	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** R250x0.7mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		678,600	
762	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** R300-R310-C300x0.9mm, không đục lỗ hoặc đục lỗ, màu trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		842,200	
763	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Trần kim loại nhôm (ALW) **Aluwin** Shaped - U50x150x0.6mm, mau trắng sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, đi kèm khung xương và phụ kiện	m2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		930,600	
764	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình lá liễu 140x25x1,4mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A140mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		1,778,000	
765	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình lá liễu 160x25x1,5mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A160mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		1,884,000	
766	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình thoi 50x210x2,0mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A200mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,520,000	
767	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình thoi 45x245x1,7mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A245mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		3,096,000	
768	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình đầu đạn 50x145x1,4mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A145mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,854,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
769	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình hộp 45x155x1,2mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A155mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,256,000	
770	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình hộp 25,5x200x1,4mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A200mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,765,000	
771	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** hình hộp 50x200x1,4mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A200mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		3,258,000	
772	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng (ALW) **Aluwin** 132Z x 0,6mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền, khoảng cách A70mm	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		671,500	
773	Thành phố Cao Lãnh	Lam	Lam nhôm chắn nắng Aluwin R85x0.6mm, màu trắng, sơn tĩnh điện cao cấp siêu bền	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		815,300	
774	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,2mm, kính dán an toàn cường lực dày 5mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,185,000	
775	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính dán an toàn cường lực dày 8mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,278,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
776	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa sổ lật 1 cánh + cửa sổ lật 2 cánh và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính dán an toàn cường lực dày 10mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,368,000	
777	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính dán an toàn dày 6.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,413,000	
778	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính dán an toàn dày 8.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,533,000	
779	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính dán an toàn dày 10.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,585,000	
780	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,8mm, kính cường lực dày 5mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,316,000	
781	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tĩnh điện, nhôm dày 1,4mm, kính cường lực dày 8mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,408,500	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
782	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 1,8mm, kính cường lực dày 10mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,498,700	
783	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 1,8mm, kính dán an toàn dày 6.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,543,000	
784	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 1,8mm, kính dán an toàn dày 8.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,663,200	
785	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 1,8mm, kính dán an toàn dày 10.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,715,000	
786	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính cường lực dày 5mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,411,000	
787	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính cường lực dày 8mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,503,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
788	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính cường lực dày 10mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,590,000	
789	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính dán an toàn dày 6.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,638,000	
790	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính dán an toàn dày 8.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,758,900	
791	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh + cửa đi trượt và vách kính cố định - nhôm Xingfa Aluwin Việt Nam hệ 55 sơn tinh điện, nhôm dày 2,0mm, kính dán an toàn dày 10.38mm, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		2,810,000	
792	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh mở, không chốt khoá, khung thép sơn tinh điện, kính cường lực ngăn cháy dày 25mm. Giới hạn chịu lửa 60 phút, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		5,367,922	
793	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh mở 2 chiều, khung thép sơn tinh điện, kính cường lực ngăn cháy dày 18mm. Giới hạn chịu lửa 60 phút, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		5,969,786	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
794	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh mở, khung thép sơn tĩnh điện, kính cường lực ngăn cháy dày 18mm. Giới hạn chịu lửa 30 phút, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		4,987,500	
795	Thành phố Cao Lãnh	cửa	Cửa đi 1 cánh + cửa đi 2 cánh mở, khung thép sơn tĩnh điện, kính cường lực ngăn cháy dày 16mm. Giới hạn chịu lửa 30 phút, bao gồm phụ kiện kèm theo.	M2	ASTM : C636		Công Ty TNHH Aluwin Việt Nam, Địa chỉ trụ sở: P35 Căn 22, Trần Bạch Đằng, Tp Rạch Giá, Kiên Giang, Điện thoại: 0931 071652 (A. Phát) ; Đơn giá đã bao gồm khung xương đồng bộ, phụ kiện và nhân công lắp đặt hoàn thiện tại công trình, áp dụng từ tháng 01/8/2024		4,955,195	
796	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		110,000	
797	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Doxi Line (Khung phổ thông), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		125,000	
798	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Groove Line (Khung rãnh đen không ngã tư), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		119,000	
799	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Groove Line (Khung rãnh đen không ngã tư), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		136,000	
800	Thành phố Cao Lãnh	Trần	T-Bar Black (Khung màu đen), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		122,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
801	Thành phố Cao Lãnh	Trần	T-Bar Black (Khung màu đen), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		136,000	
802	Thành phố Cao Lãnh	Trần	FUT Line (Khung rãnh đen có ngã tư), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		119,000	
803	Thành phố Cao Lãnh	Trần	FUT Line (Khung rãnh đen có ngã tư), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		133,000	
804	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Super Line (Khung cao cấp), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		114,000	
805	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Super Line (Khung cao cấp), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		128,000	
806	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Apec Line (Khung cao cấp), Tấm UCO kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		150,000	
807	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Apec Line (Khung cao cấp), Tấm thạch cao kim tuyến Laser Vạn Phát Hưng	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		165,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
808	Thành phố Cao Lãnh	Trần	M29, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral tiêu chuẩn 9mm	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		101,000	
809	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Vạn Phát Hưng M29, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral chống ẩm 9mm	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		128,000	
810	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M70 , thanh U M38, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral tiêu chuẩn 9mm	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		105,300	
811	Thành phố Cao Lãnh	Trần	M70 , thanh U M38, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral chống ẩm 9mm	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		128,000	
812	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm Inox, Tấm thạch cao GS/Knauf/Boral chống ẩm 9mm	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		165,000	
813	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nhôm Alu strong lay- in 60x60cm, khung xương tiêu chuẩn, ty treo ren 8mm và các phụ kiện kèm theo	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		480,000	
814	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nhôm Alu strong clip- in 60x60cm, khung xương tiêu chuẩn, ty treo ren 8mm và các phụ kiện kèm theo	m2	ASTM C635		Công ty CP CN Vạn Phát Hưng, đ/c: Tầng 7 - 12 Tân Trào, Tân Phong, Quận 7, HCM; ĐT: 056 9266666 (Chị Trâm) Nhà máy 1: Lô R1A, đường số 6. KCN Long Hậu mở rộng, huyện Cần Giuộc, Long An, đã bao gồm công lắp đặt, áp dụng từ tháng 01/8/2024 theo CV số 01-VPH/CBG ngày 05/7/2024 của Công ty		580,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
815	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-SERRA BV1 NV	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		102,636	
816	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-SERRA FM19 NV	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		71,182	
817	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-SERRA BV1 NEW 26x39x3660x0.72mm-NV	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		102,636	
818	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-SERRA FM19 NEW 45x19.5x3660x0.5mm-NV	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		71,182	
819	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-BASI NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		91,705	
820	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-ALPHA NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		57,200	
821	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-EKO NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		79,758	
822	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-TIKA NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		45,286	
823	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-M29 NX	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		48,818	
824	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần chìm VINHTUONG VTC-M29 35x13x4000x0.29mm-NX	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		48,818	
825	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-SmartLINE 3660 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		84,848	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
826	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-SmartLINE 1220 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		27,273	
827	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-SmartLINE 610 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		15,818	
828	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT18/22 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		42,000	
829	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE 3600 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		102,682	
830	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE 1200 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		26,061	
831	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE 600 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		15,000	
832	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE Plus 3660 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		93,409	
833	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE Plus 1220 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		26,591	
834	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung trần nổi VINHTUONG VT-TopLINE Plus 610 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		13,636	
835	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Sound 90 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		263,394	
836	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Sound 90 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		94,909	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
837	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall U52 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		74,432	
838	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall C63 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		119,727	
839	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall U64 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		101,455	
840	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall C75 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		111,515	
841	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall U76 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		94,182	
842	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall C90 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		158,727	
843	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall U92 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		144,371	
844	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Khung vách VINHTUONG VT V-Wall C100 NT	thanh	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		158,523	
845	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Sakura 1 (Tcao duc lo) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		40,556	
846	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Plus Sieu trang (Tcao) 605x1210x8mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		29,074	
847	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Plus Sieu trang (Tcao) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		32,315	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
848	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Plus Sieu trang (Tcao CA) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		47,963	
849	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Plus Son trang (Tcao) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		29,444	
850	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Shades VT4 (Tcao) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		40,926	
851	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Bamboo VT6 (Tcao) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		40,926	
852	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Shades VT4 (Tcao CA) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		57,130	
853	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Matrix VT5 (Tcao CA) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		57,130	
854	Thành phố Cao Lãnh	Trần	Tấm thạch cao VINHTUONG DECO Bamboo VT6 (Tcao CA) 605x1210x9mm	tấm	ASTM C635		CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VĨNH TƯỜNG; Đ/c: Lô C23a, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM; ĐT: 0903773684 (Nguyễn Trần Bích Ngọc), áp dụng từ ngày 01/5/2024		57,130	
888	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Vách kính, Kính an toàn 6,38mm, KT: 1m x 1m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		2,847,805	
889	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, Kính an toàn 6,38mm, KT : 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,570,650	
890	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh trượt, 2 cánh cố định), Kính 6,38mm, KT: 2,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,565,927	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
891	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	-Cửa sổ 2 cánh mở quay ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT : 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,190,137	
892	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, Kính an toàn 6,38mm, KT : 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,946,831	
893	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở quay ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT : 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,321,821	
894	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở quay vào trong , Kính an toàn 6,38mm, KT : 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,161,598	
895	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở hất ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT : 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,496,635	
896	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT: 0,9m x 2,4m; khóa đi chính, khóa đa điểm, tay nắm,ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Eurowindow. Bản lề 3D-EIH001-7.	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,764,650	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
897	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT: 0,9m x 2,4m; Khóa tiết kiệm, Tay nắm, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Eurowindow.Bản lề 3D-EIH001-7.	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,565,950	
898	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT: 0,9m x 2,4m; khóa thông phòng, khóa đa điểm, tay nắm, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn-Eurowindow .Bản lề 3D-EIH001-7.	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,621,403	
899	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,8m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,500,085	
900	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở trượt, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,8m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		2,949,205	
901	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 4 cánh (2 cánh trượt, 2 cánh cố định), Kính 6,38mm, KT 3,2m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Aisawindow_ Profile Eurowindow	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		2,691,005	
902	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Vách kính, Kính an toàn 6,38mm, KT: 1m x 1,5m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,620,789	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
903	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	- Cửa sổ 1 cánh mở quay ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,174,888	
904	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở quay vào trong, Kính an toàn 6,38mm, KT 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,144,948	
905	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở hất ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT 0,7m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,241,344	
906	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở quay ra ngoài, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,590,730	
907	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,502,773	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
908	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,265,892	
909	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 4 cánh(2 cánh trượt, 2 cánh cố định), Kính 6,38mm, KT 2,4m x 1,4m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,261,468	
910	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT 0,9m x 2,2m; Khóa đi chính, thanh chốt đa điểm, tay nắm, bản lề - ROTO, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Winkhaus	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		8,032,889	
911	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT 0,9m x 2,2m; Khóa ban công, thanh chốt đa điểm, tay nắm, bản lề - ROTO, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn - Winkhaus	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		7,155,193	
912	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,8m x 2,2m; Khóa đi chính, thanh chốt đa điểm, tay nắm, bản lề, chốt liền -ROTO, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn -Winkhaus	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		7,411,008	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
913	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở quay, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,8m x 2,2m; Khóa ban công, thanh chốt đa điểm, tay nắm, bản lề, chốt liền -ROTO, ổ khóa ngoài chìa trong núm vặn –Winkhaus	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		6,970,764	
914	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở trượt, Kính an toàn 6,38mm, KT 1,6m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,488,427	
915	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 4 cánh (2 cánh trượt +2 cánh cố định), Kính 6,38mm, KT 2,8m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		4,298,150	
916	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 4 cánh mở xếp trượt , Kính an toàn 6,38mm, KT 2,8m x 2,2m	m2	TCVN 7451 : 2004	Cửa Nhựa Lõi Thép uPVC Hệ Eurowindow _ Profile Koemmerling tiêu chuẩn Châu Âu	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		10,905,399	
917	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Vách kính dùng nhôm Eurowindow EA55; KT 1m x 1m, Kính an toàn 6,38mm	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,799,395	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
918	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở quay ra ngoài, KT 0,7m x 1,4m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,299,149	
919	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở quay vào trong, KT 0,7m x 1,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,248,593	
920	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 1 cánh mở hất ra ngoài, KT 0,7m x 1,4m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,700,815	
921	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở quay ra ngoài, KT 1,4 x 1,4m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,875,805	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
922	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, KT 1,4 x 1,4m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,832,521	
923	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 2 cánh mở trượt; KT 1,4 x 1,5m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,914,492	
924	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh trượt+ 2 cánh cố định); KT 3,8 x 1,5m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,662,575	
925	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 1 cánh mở quay KT 0,8m x 2,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,905,108	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
926	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở quay, KT 1,6m x 2,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		5,479,035	
927	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 2 cánh mở quay, KT 1,6m x 2,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,582,465	
928	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 4 cánh (2 cánh trượt+ 2 cánh cố định, KT 3,2 x 2,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Eurowindow	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		3,331,339	
929	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi 4 cánh xếp trượt trượt, KT 3,2 x 2,2m, Kính an toàn 6,38mm, Bộ PKKK : Roto	m2	TCVN 9366 : 2012	Hệ Sản Phẩm Cửa Nhôm Eurowindow (nhôm Eurowindow EA5); Sơn tĩnh điện màu Ral9010, sơn bột nhẵn bóng bảo hành 5 năm	Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		8,194,027	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
930	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đố giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,815,000	
931	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đố giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,570,000	
932	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đố giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,230,000	
933	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,815,000	
934	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,570,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
935	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,150,000	
936	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kkính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,700,000	
937	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,470,000	
938	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Cửa sổ mở hất, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,180,000	
939	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,900,000	
940	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,800,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
941	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,800,000	
942	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	SONG BẢO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,500,000	
943	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,750,000	
944	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lùa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,300,000	
945	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lùa 6 cánh - khung bao 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,900,000	
946	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-XL60: Cửa xếp lùa 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,000,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
947	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,350,000	
948	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,400,000	
949	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x110, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,300,000	
950	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x110, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,350,000	
951	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x77, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,100,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
952	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x77, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		3,200,000	
953	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,860,000	
954	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,910,000	
955	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x110, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,820,000	
956	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x110, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,860,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
957	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x100, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,640,000	
958	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ MẶT DỰNG NS-50: kết cấu khung 50x100, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính hộp Công Nghiệp Hạ Long – CFG	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,700,000	
959	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-888: Cửa sổ lùa 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.1 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,750,000	
960	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-888: Cửa sổ lùa 4 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.1 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,800,000	
961	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-188: Cửa sổ lùa 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.1 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,600,000	
962	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-188: Cửa sổ lùa 4 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.1 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,650,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
963	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-380: Cửa sổ mở hất 1 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,750,000	
964	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-838: Cửa sổ mở quay/hất 1 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,200,000	
965	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-838: Cửa sổ mở quay/hất 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,250,000	
966	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-1038: Cửa sổ mở quay/hất 1 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,400,000	
967	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-1038: Cửa sổ mở quay/hất 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,450,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
968	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-500: Cửa sổ lùa 2 cánh (kèm ô cố định) - Độ dày nhôm T-0.9 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,860,000	
969	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-700: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định / kính suốt), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ nhôm T-0.9 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,950,000	
970	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-700: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định /chia đố chứa lamri), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm T-0.9 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,100,000	
971	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-720: Cửa sổ lùa 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0.9 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,400,000	
972	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-720: Cửa sổ lùa 4 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0.9 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,450,000	
973	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-1000: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định / kính suốt), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,250,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
974	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-1000: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định /chia đố chứa lamri), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,400,000	
975	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	HỆ NS-1045: Cửa đi mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định / kính suốt), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,250,000	
976	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	LÁ SÁCH/ LOUVER Z: Khung lá sách NS-T9908 (kèm chia đố), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		2,150,000	
977	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	LÁ SÁCH/ LOUVER Z: Khung lá sách NS-F208A (kèm chia đố), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 0.9 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,900,000	
978	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	LÁ SÁCH/ LOUVER Z: Khung lá sách NS-T9901 (kèm chia đố), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.1 mm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung, ĐC: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, Long An, ĐT: 0906 499688 (Chị Sen), áp dụng từ tháng 6/2024 theo CV số 2406/2024/NS-CBG ngày 24/6/2024 của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung		1,650,000	
979	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm không cường lực, phụ kiện KinLong.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,300,000	
980	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện KinLong.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,300,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
981	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm không cường lực, phụ kiện Huy Hoàng.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
982	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện Huy Hoàng.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
983	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi mở trượt thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện Huy Hoàng.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
984	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi mở trượt thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện Huy Hoàng.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
985	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở quay thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm không cường lực, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
986	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở quay thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
987	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở trượt thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm không cường lực, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
988	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở trượt thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, hệ 55, kính 7,8mm cường lực, phụ kiện Huy Hoàng.	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
989	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, kính 9,8 ly, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,450,000	
990	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ lùa thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, kính 7,8mm, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
991	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở quay thanh nhôm Xingfa Quảng Đông, kính 7,8mm, phụ kiện Huy Hoàng	m2	TCVN 197-1:2014; TCVN 12513-7:2018		Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Thành Nhựt, Số 18, đường Vành Đai, KDC Hoà An, xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0974 181838, áp dụng từ 01/3/2024		2,350,000	
992	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính temper 5mm trắng khổ nhỏ (2438*1829)	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		329,400	
993	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính temper 6mm trắng khổ 3048*2134	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		380,700	
994	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính nổi VFG màu trắng 8mm khổ (3048x2134)	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		445,500	
995	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính nổi VFG màu trắng 10mm khổ 3658*2438	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		529,200	
996	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính nổi VFG màu trắng 12mm (khổ 3658*2438)	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		656,100	
997	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính an toàn màu trắng dán 2 lớp 3mm+ fim 0.38	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		573,300	
998	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính an toàn màu trắng dán 2 lớp: 3mm+ fim 0.38+5mm	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		610,200	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
999	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính an toàn màu trắng dán 2 lớp 5mm+ fim 0.38	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		684,450	
1000	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính an toàn màu trắng dán 2 lớp 6mm+ fim 0.38+6mm	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		851,850	
1001	Thành phố Cao Lãnh	Kính	Kính hộp : Kính trắng Việt Nhật 2 lớp 5mm-9-5mm	m2			Công Ty Cổ Phần Eurowindow; Trụ sở chính: Lô 15, KCN Quang Minh, TT. Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội; VP tại Đồng Tháp : 263, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp; điện thoại: 0946 699 570 (A Nhật)		1,055,700	
1002	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 1 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kính Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,200,000	
1003	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 1 cánh + Fix,nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm.Kính Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,141,000	
1004	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 2 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kính Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,376,000	
1005	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 2 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kính Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,477,000	
1006	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 4 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kính Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		4,267,000	
1007	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa đi LV50 4 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kính Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		4,208,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1008	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ bật LV50 1 cánh , nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,159,000	
1009	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ bật LV50 1 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,191,000	
1010	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ bật LV50 2 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,446,000	
1011	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ bật LV50 2 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,312,000	
1012	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ lùa LV50 2 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,318,000	
1013	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ lùa LV50 2 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,282,000	
1014	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ lùa LV50 4 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,621,000	
1015	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ lùa LV50 4 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,518,000	
1016	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Vách ngăn LV50, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng cường lực dày	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		1,424,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1017	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Vách ngăn LV50 chia ô, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng cường	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		1,248,000	
1018	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở quay LV50 2 cánh, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	TCVN 9366-2:2012 JIS H 4100:2015 & H 8602:2010		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,530,000	
1019	Thành phố Cao Lãnh	Cửa	Cửa sổ mở quay LV50 2 cánh + Fix, nhôm Anod tạo màu bằng Niken phủ ED bảo hành 20 năm. Kinh Thiên Phú trắng	m2	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Long Vân NTV, số 299/4, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TPHCM; ĐT: 0933 338622 (C. Dung)		3,258,000	
1020	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 50W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		6,050,000	
1021	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 60W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		6,600,000	
1022	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 80W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		7,950,000	
1023	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 100W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		9,900,000	
1024	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 120W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		11,800,000	
1025	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng 150W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		12,700,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1026	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED 200W, Led Nhật Bản ≥ 100.000h, IP66, hiệu suất ≥150lm/w, dim vô cấp hoặc 5 cấp, dán nhãn năng lượng, Quatest 1, BH 5 năm	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		19,500,000	
1027	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển thông minh công suất 40A không kết nối bộ Nema, vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), bộ ĐK màn hình cảm ứng màu, kết nối phần mềm điều khiển qua internet	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		40,000,000	
1028	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển thông minh công suất 50A không kết nối bộ Nema, vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), bộ ĐK màn hình cảm ứng màu, kết nối phần mềm điều khiển qua internet	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		45,000,000	
1029	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển thông minh công suất 40A có kết nối bộ Nema, vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), bộ ĐK màn hình cảm ứng màu, kết nối phần mềm điều khiển qua internet	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		63,500,000	
1030	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển thông minh công suất 50A có kết nối bộ Nema, vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), bộ ĐK màn hình cảm ứng màu, kết nối phần mềm điều khiển qua internet	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		68,500,000	
1031	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng thông minh (không kết nối nema), màn hình cảm ứng màu 5 inch, kết nối phần mềm điều khiển qua internet.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		32,000,000	
1032	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng thông minh (có kết nối nema điều khiển từng đèn), màn hình cảm ứng màu 5 inch, kết nối phần mềm điều khiển qua internet.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		45,650,000	
1033	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ Nema điều chỉnh công suất tại đèn	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		2,400,000	
1034	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ cầu đấu kín nước chống giật IP68	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		1,500,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1035			Đèn THGT Xanh-vàng-đỏ D100 (3xD100), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn và tay đèn bằng nhựa ABS, IP65, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		6,975,000	
1036			Đèn THGT Xanh-vàng-đỏ D200 (3xD200), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		12,200,000	
1037			Đèn THGT Xanh-vàng-đỏ D300 (3xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		16,900,000	
1038			Đèn THGT mũi tên Xanh-vàng-đỏ D300 (3xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		16,400,000	
1039			Đèn THGT đi bộ xanh-đỏ D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		4,800,000	
1040	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đi bộ xanh-đỏ D200 (2xD200), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		8,550,000	
1041	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT mũi tên xanh D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		4,800,000	
1042	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT chữ thập D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		4,800,000	
1043	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT mũi tên xe máy D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		5,200,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1044	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT chớp vàng NLMT D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		10,800,000	
1045	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đếm lùi 2 số xanh-vàng-đỏ D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, lấy mẫu xanh vàng đỏ và nhận tín hiệu số đếm qua RS485, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		14,500,000	
1046	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đếm lùi 2 số xanh-vàng-đỏ D400, vỏ thép sơn tĩnh điện (KT: 480x422x150), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, lấy mẫu xanh vàng đỏ và nhận tín hiệu số đếm qua RS485, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		18,500,000	
1047	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đếm lùi 2 số xanh-vàng-đỏ D600 , vỏ thép sơn tĩnh điện (KT: 600x510x170), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, lấy mẫu xanh vàng đỏ và nhận tín hiệu số đếm qua RS485, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		11,500,000	
1048	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đếm lùi 3 số xanh-vàng-đỏ D300 (1xD300), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, vỏ đèn bằng nhựa ABS, IP65, tay đèn bằng nhôm đúc, lấy mẫu xanh vàng đỏ và nhận tín hiệu số đếm qua RS485, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		15,900,000	
1049	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn THGT đếm lùi 3 số xanh-vàng-đỏ D400, vỏ thép sơn tĩnh điện (KT: 490x445x150), Led Nichia (Nhật Bản) tuổi thọ ≥ 100.000h, lấy mẫu xanh vàng đỏ và nhận tín hiệu số đếm qua RS485, Quatest 1.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		21,500,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1050		Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2P có tính năng kết nối GPS, vỏ thép sơn tĩnh điện (KT: 680x450x350)	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		35,000,000	
1051		Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT thông minh điều khiển không dây (tủ chính), vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), bộ đk màn hình màu cảm ứng, kết nối phần mềm điều khiển qua internet	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		81,500,000	
1052		Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT thông minh điều khiển không dây (tủ phụ), vỏ inox 304 (KT: 680x450x350), kết nối với tủ điều khiển chính bằng RF.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		37,900,000	
1053		Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển THGT 2P-4P màn hình LCD 20x4, tính năng kết nối GPS	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		26,000,000	
1054		Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển THGT thông minh 2P-4P màn hình màu cảm ứng 5 inch, kết nối phần mềm điều khiển qua internet.	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		35,000,000	
1055		Vật tư ngành điện	Bộ chuyển đổi và truyền tín hiệu giao thông kết nối mạng IOT 4.0 (bộ gateway)	bộ	ISO 9001:2015;		Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ và Đầu Tư Xây Dựng SDKD; số 801/3B Đường Hà Huy Giáp, Khu Phố 3, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP Hồ Chí Minh; ĐT: 0907 225397, áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng giá của Công ty		15,000,000	
1056	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-1.5 (7/0.52)	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		5,720	
1057	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-2.5 (7/0.67)	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		9,320	
1058	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-10 (7/1.35)	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		34,300	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1059	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-50-0,6/1KV	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		155,020	
1060	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-240-0,6/1KV	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		778,890	
1061	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kv (ruột đồng): CV-300-0,6/1KV	m	TCVN 6610-3:2000		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		976,960	
1062	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC): CVV-6,0 (1x7/1.04)-0,6/1KV	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		24,310	
1063	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015: CVV-4x16	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		239,170	
1064	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015: CVV-4x25	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		361,840	
1065	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015: CVV-4x50	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		661,470	
1066	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015: CVV-4x120	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		1,673,440	
1067	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế 0,6/1kV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC) - DMVT 2015: CVV-4x185	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		2,487,040	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1068	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DATA-25	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		119,790	
1069	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DATA-50	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		200,750	
1070	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DATA-95	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		359,060	
1071	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DATA-240	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		859,540	
1072	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DSTA-3x6 (3x7/0.85)	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		101,350	
1073	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DSTA-3x16	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		208,270	
1074	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DSTA-3x50	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBảng báo giá của Công ty		534,260	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1075	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ 0,6/1kV (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC): CVV/DSTA-3x185	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		1,980,380	
1076	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn, tiết diện > 4mm2 đến = 10 mm2	m	TCVN 5935:2013		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		34,860	
1077	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế 0,6/1kV (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE): LV-ABC-2x50	m	TCVN 6447:1998/ AS 3560		Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 028.39299443 - 38292971, 0913 854809 (A. Hải) áp dụng từ 01/7/2024 theo TBáng báo giá của Công ty		40,920	
1078	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 300/500V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-0.5 (1x16/0.2) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		2,229	
1079	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 300/500V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-0.75 (1x24/0.2) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		3,097	
1080	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 300/500V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-1 (1x32/0.2) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		3,975	
1081	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 450/750V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-1.5 (1x30/0.25) - 450/750V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		5,839	
1082	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 450/750V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-2.5 (1x50/0.25) - 450/750V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		9,351	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1083	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 450/750V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-4 (1x56/0.3) - 450/750V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		14,460	
1084	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 450/750V - TCVN 6610-3 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-6 (1x84/0.3) - 450/750V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		21,907	
1085	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 600V - JIS 3316 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-8 - 600V - JIS 3316	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		31,672	
1086	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 600V - JIS 3316 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-14 - 600V - JIS 3316	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		55,582	
1087	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-10 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		39,464	
1088	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-16 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		58,225	
1089	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-25 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		87,134	
1090	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-35 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		123,536	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1091	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-50 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		177,585	
1092	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-70 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		247,082	
1093	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm VCm - 0.6/1kV-AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCm-95 - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		323,838	
1094	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x0.75-(2x24/0.2) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		7,339	
1095	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x1.0-(2x32/0.2) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		9,193	
1096	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x1.5-(2x30/0.25) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		12,951	
1097	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x2.5-(2x50/0.25) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		20,862	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1098	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x4-(2x56/0.3) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		31,524	
1099	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện dẹp mềm VCmo - 300/500V - TCVN 6610-5 (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) VCmo-2x6-(2x84/0.3) - 300/500V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		47,128	
1100	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm VCmd - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCmd-2x0.5-(2x16/0.2) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		4,429	
1101	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm VCmd - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCmd-2x0.75-(2x24/0.2) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		6,244	
1102	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm VCmd - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCmd-2x1-(2x32/0.2) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		8,009	
1103	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm VCmd - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCmd-2x1.5-(2x30/0.25) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		11,402	
1104	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm VCmd - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) VCmd-2x2.5-(2x50/0.25) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		18,484	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1105	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-1 (7/0.425) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		4,320	
1106	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-1.5 (7/0.52) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		5,948	
1107	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-2.5 (7/0.67) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		9,706	
1108	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-4 (7/0.85) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		14,697	
1109	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-6 (7/1.04) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		21,572	
1110	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 0.6/1kV - AS/NZS 5000.1 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-10 (7/1.35) - 0,6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		35,736	
1111	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-1.25 (7/0.45) - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		4,596	
1112	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-2 (7/0.6) - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		7,704	
1113	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-3.5 (7/0.8) - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		13,059	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1114	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-5.5 (7/1.0) - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		20,220	
1115	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-8 (7/1.2) - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		28,979	
1116	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-14 - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		50,502	
1117	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-22 - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		77,015	
1118	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực hạ thế CV - 600V - JIS C3307 (ruột đồng, cách điện PVC) CV-38 - 600V	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		129,066	
1119	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-1 (1x7/0.425) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		6,707	
1120	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-1.5 (1x7/0.52) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		8,650	
1121	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-2.5 (1x7/0.67) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		12,487	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1122	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-4 (1x7/0.85) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		18,159	
1123	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-6 (1x7/1.04) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		25,478	
1124	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC) CVV-10 (1x7/1.35) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		39,839	
1125	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-1 (1x7/0.42) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		6,411	
1126	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-1.5 (1x7/0.52) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		8,315	
1127	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-2.5 (1x7/0.67) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		12,438	
1128	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-4 (1x7/0.85) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		17,705	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1129	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-6 (1x7/1.04) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		24,935	
1130	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV - 0.6/1kV - TCVN 5935 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ bọc PVC) CXV-10 (1x7/1.35) - 0.6/1kV	m			Công ty Cổ phần dây dáp điện DAPHACO; Đ/c: số 15/15, Phan Văn Hớn, Khu phố 5, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM; ĐT: 0934 157577 (C. Thảo), đơn giá đã bao gồm chi phí giao hàng đến chân công trình, áp dụng từ tháng 6/2024 theo Bảng giá số 28.06/ĐKG ngày 28/6/2024 của Công ty		39,514	
1131	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (60w - 69w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,200,000	
1132	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (70w - 79w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,800,000	
1133	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (80w - 89w): Kích thước 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,100,000	
1134	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (90w - 99w): Kích thước 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,400,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1135	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (100w - 109w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,000,000	
1136	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (110w - 119w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,300,000	
1137	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (120w - 129w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,900,000	
1138	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (130w - 139w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,350,000	
1139	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (140w - 149w): Kích thước: 605x295x150	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,100,000	
1140	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (150w - 159w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,550,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1141	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (160w - 169w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,000,000	
1142	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (170w - 179w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,450,000	
1143	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (180w - 189w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,900,000	
1144	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (190w - 199w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,350,000	
1145	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (200w - 209w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,800,000	
1146	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (210w - 219w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,250,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1147	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (220w - 229w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,700,000	
1148	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (230w - 239w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,150,000	
1149	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-633 (240w - 250w): Kích thước: 677x300x180	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,600,000	
1150	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (60w - 69w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,600,000	
1151	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (70w - 79w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,200,000	
1152	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (80w - 89w): Kích thước 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,500,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1153	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (90w - 99w): Kích thước 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,800,000	
1154	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (100w - 109w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,400,000	
1155	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (110w - 119w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,700,000	
1156	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (120w - 129w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,300,000	
1157	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (130w - 139w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,750,000	
1158	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (140w - 149w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,500,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1159	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (150w - 159w): Kích thước: 622x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,950,000	
1160	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (160w - 169w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,400,000	
1161	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (170w - 179w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,850,000	
1162	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (180w - 189w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,300,000	
1163	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (190w - 199w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,750,000	
1164	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (200w - 209w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,200,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1165	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (210w - 219w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,650,000	
1166	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (220w - 229w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,100,000	
1167	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-139 (230w - 240w): Kích thước: 720x320x119	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,550,000	
1168	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (60w - 69w): Kích thước: 422x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		7,900,000	
1169	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (70w - 79w): Kích thước: 422x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,500,000	
1170	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (80w - 89w): Kích thước 422x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,800,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1171	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (90w - 99w): Kích thước 422x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,100,000	
1172	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (100w - 109w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,700,000	
1173	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (110w - 119w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,000,000	
1174	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (120w - 129w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,600,000	
1175	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (130w - 139w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,050,000	
1176	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (140w - 149w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,800,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1177	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (150w - 159w): Kích thước: 522x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,250,000	
1178	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (160w - 169w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,700,000	
1179	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (170w - 179w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,150,000	
1180	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (180w - 189w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,600,000	
1181	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (190w - 199w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,050,000	
1182	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (200w - 209w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,500,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1183	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (210w - 219w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		14,950,000	
1184	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (220w - 229w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,400,000	
1185	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (230w - 239w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,850,000	
1186	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn SH-133 (240w - 250w): Kích thước: 853x318x136	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,300,000	
1187	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Thiết bị điều khiển thông minh Z-Master	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		25,000,000	
1188	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển Z-Inlamp	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		3,000,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1189	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn Led thông minh Sky Lighting SH-633 (80w)	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		9,600,000	
1190	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn Led thông minh Sky Lighting SH-633 (100w)	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,750,000	
1191	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn Led thông minh Sky Lighting SH-633 (120w)	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,650,000	
1192	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn Led thông minh Sky Lighting SH-633 (150w)	bộ	ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2007/IEC 60598-2-3:2002		Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1, Địa chỉ: 76/3 đường số 74, Trương Đình Hội, P16, Q8, TPHCM, ĐT: 0902 320 722 (áp dụng từ ngày 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,850,000	
1193	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.5mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		4,100	
1194	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x0.75mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		5,770	
1195	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x1mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		7,410	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1196	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x1.5mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		10,550	
1197	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmd 2x2.5mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		17,100	
1198	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x0.75mm2 300/500V	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		6,800	
1199	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x1mm2 300/500V	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,500	
1200	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x1.5mm2 300/500V	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,980	
1201	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x2.5mm2 300/500V	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		19,300	
1202	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện VCmo 2x4mm2 300/500V	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		29,180	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1203	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 1.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		5,490	
1204	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 2.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		8,950	
1205	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 4mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		13,540	
1206	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 6mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		19,910	
1207	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 10mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		32,930	
1208	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 16mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		52,030	
1209	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 25mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		81,590	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1210	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 35mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		112,840	
1211	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 50mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		154,390	
1212	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CV 70mm2 0.6/1kV AS/NZS	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		220,290	
1213	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 1.5mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		7,890	
1214	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 2.5mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,830	
1215	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 4mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,820	
1216	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 6mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		23,720	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1217	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 10mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		37,560	
1218	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 16mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		56,350	
1219	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 25mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		87,290	
1220	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 35mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		119,600	
1221	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 50mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		162,410	
1222	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp CXV 70mm2 0.6/1kV	m	TCVN 5935		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		230,290	
1223	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x10mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		11,240	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1224	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x11mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		12,220	
1225	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x16mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,980	
1226	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x25mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		21,110	
1227	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x35mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		26,880	
1228	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x50mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		39,330	
1229	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x70mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		50,750	
1230	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x95mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		65,210	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1231	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x120mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		82,460	
1232	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn LV-ABC 2x150mm2 0.6/1kV	m	TCVN 6447		Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Thái, đ/c: Khu Công nghiệp Biên Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ĐT: 0905 771186 - A. Dinh (áp dụng từ 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		99,150	
1233	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, 1 LED mô-đun SIA30 30W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		5,000,000	
1234	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, 1 LED mô-đun SIB40 40W, quang thông: 5000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		5,400,000	
1235	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, 1 LED mô-đun SIC60 60W, quang thông: 7500lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		5,650,000	
1236	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, 2 LED mô-đun, SIB80 80W, quang thông: 10000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		7,500,000	
1237	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLA60 60W, quang thông: 8100lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		7,750,000	
1238	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLB80, 80W, quang thông: 10000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		7,850,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1239	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLA90 90W, quang thông: 12150lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		8,875,000	
1240	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, 2 LED mô-đun, SIC100 100W, quang thông: 125000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		7,950,000	
1241	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLA120 120W, quang thông: 12600lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		10,150,000	
1242	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLA150 150W, quang thông: 20250lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		11,250,000	
1243	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLB160 160W, quang thông: 20000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		13,000,000	
1244	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLA180 180W, quang thông: 24300lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		13,999,000	
1245	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLB200 200W, quang thông: 25000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		14,125,000	
1246	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLB240 240W, quang thông: 30000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		16,075,000	
1247	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha SLB320 320W, quang thông: 40000lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		17,375,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1248	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLA60-C,60W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		7,950,000	
1249	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLB80-C,80W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		8,060,000	
1250	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLA150-C,150W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		12,350,000	
1251	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLB240-C,240W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		15,900,000	
1252	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLB280-C,280W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		17,300,000	
1253	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED pha FLA300-C,300W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		20,800,000	
1254	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED khu vực FLD450,450W, quang thông: 4050lm, CRI>70	bộ	IEC 60598-1 và IEC 60598-2-3:2011		Công ty TNHH TMDV Nguyễn Đình, đ/c: 28/3A, tổ 7, khu phố Bình Giao, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, ĐT: 0650 3717606; 0938 555167 (Phương Tuyền) (áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng giá của Công ty)		27,800,000	
1255	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED SL22 (30w - 45w) DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		5,250,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1256	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED SL22 (50w - 90w) DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		6,350,000	
1257	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED SL22 (100w - 140w) DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		7,895,000	
1258	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED SL22 (150w - 180w) DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		8,930,000	
1259	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED SL22 (190w - 230w) DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		9,650,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1260	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15 (30w-45w). DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		6,350,000	
1261	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15 (50w-90w). DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		8,550,000	
1262	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15 (100w-140w). DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		9,653,000	
1263	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15 (150w-180w). DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		12,150,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1264	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED Katrina SL15 (190w-230w). DIM. Chống sét 10kA	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		12,550,000	
1265	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 từ 30W đến 49W, Dimming 5 cấp công suất. Lumen ≥ 130 Lm/W	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		7,950,000	
1266	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 từ 50W đến 99W, Dimming 5 cấp công suất. Lumen ≥ 130 Lm/W	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		9,300,000	
1267	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 từ 100W đến 149W, Dimming 5 cấp công suất. Lumen ≥ 130 Lm/W	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		13,050,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1268	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn LED TEMBIN Modun SMD Slighting SL7 150W đến 200W, Dimming 5 cấp công suất. Lumen ≥ 130 Lm/W	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		14,550,000	
1269	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		8,220,000	
1270	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		9,298,000	
1271	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		10,586,300	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1272	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (185-230w)	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		16,000,000	
1273	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED SLI-FL9 (235w- 250w)	bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014 WITH AMENDMENT 1:2017), TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011)		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/3/2024		16,450,000	
1274	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		5,368,000	
1275	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		5,337,200	
1276	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		7,172,000	
1277	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		8,873,200	
1278	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		9,382,000	
1279	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 6m D78-3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		3,380,632	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1280	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D78-3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		4,570,967	
1281	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D78-3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		6,271,000	
1282	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D78- 4mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		7,438,710	
1283	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D78-4mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		7,606,451	
1284	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột thép Bát giác, Tròn côn 11m D78-4mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		8,422,580	
1285	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m dày 3mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,580,000	
1286	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vươn 1,5m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,536,000	
1287	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần đèn cánh buồm CD15	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		3,850,000	
1288	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-01 cao 2m, vươn 1,5m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,820,400	
1289	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vươn 1,5m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,914,000	
1290	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cần cánh buồm CK15	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		4,320,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1291	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 14m-130-5mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		19,129,806	
1292	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đa giác 17m-150-5mm	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		27,125,549	
1293	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Lọng dùng cho cột đa giác bắt đèn pha	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		3,845,262	
1294	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân nhôm C05 cao 3,7m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		8,950,000	
1295	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân nhôm, C06 cao 3,2m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		4,874,706	
1296	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân gang, nhôm C07 cao 3,2m;	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		5,450,000	
1297	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế gang thân nhôm C08 cao 3,4m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		6,339,250	
1298	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế nhôm thân nhôm C09 cao 4m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		6,546,480	
1299	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cột đế gang C10 (Sư tử) cao 3,95m	trụ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		9,450,000	
1300	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH05-2; Chùm CH06-4; Chùm CH1-2	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,223,000	
1301	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH08-4	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,570,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1302	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-1	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		1,685,000	
1303	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH09-2	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		2,666,380	
1304	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH11-4	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		2,250,000	
1305	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Chùm CH12-4	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		2,040,000	
1306	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cầu trang trí SV3-D400	Cái	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		720,000	
1307	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		920,000	
1308	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột M16x340x340x500	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		570,000	
1309	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột M16x260x260x500	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		550,000	
1310	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột M16x240x240x500	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		530,000	
1311	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x675	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		830,000	
1312	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột M24x300x300x750	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		870,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1313	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1350x8	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		4,385,000	
1314	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M24x1350x12	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		5,885,000	
1315	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	KM cột đa giác M30x1750x20	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		15,260,000	
1316	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 100A	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		17,280,000	
1317	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 100A	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		16,310,000	
1318	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	bộ	TCVN ISO 9001:2015, ISO 14001:2015		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		2,800,000	
1319	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 ăngten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh.	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		Công ty.Cổ Phần Slighting Việt Nam; số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; ĐT: 0913789032 (A. Hạnh); áp dụng từ 01/02/2024		110,000,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1320	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường đô thị)	Model: MJ-SSO100; Tấm pin năng lượng 4V/60W; Quang thông: 4500 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		7,790,000	
1321	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường đô thị)	Model: MJ-SSO200; Tấm pin năng lượng 4V/75W; Quang thông: 6500 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		9,579,000	
1322	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường đô thị)	Model: MJ-SSO300; Tấm pin năng lượng 4V/90W; Quang thông: 8500 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		11,879,000	
1323	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường đô thị)	Model: MJ-SSO400; Tấm pin năng lượng 4V/110W; Quang thông: 12000 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		13,579,000	
1324	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường đô thị)	Model: MJ-SSO400 (phiên bản Plus); Tấm pin năng lượng 4V/110W; Quang thông: 12000 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		14,879,000	
1325	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model: MJ-XJ903; Quang năng 5V/35W; Quang thông: 2620 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		2,879,000	
1326	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model:MJ-XJ904; Quang năng 5V/35W; Quang thông: 3100 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		3,279,000	
1327	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model:MJ-XJ906; Quang năng 5V/35W; Quang thông: 3672 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		4,279,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1328	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường trung tâm)	Model: AN-SL-X-100W; công suất 100W, Tấm pin năng lượng 18V/160W; Quang thông: 16700 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		23,579,000	
1329	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model: AN-SL-X-120W; công suất 120W, Tấm pin năng lượng 18V/180W; Quang thông: 20000 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		25,579,000	
1330	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model: AN-SL-X-150W; công suất 150W, Tấm pin năng lượng 18V/220W; Quang thông: 25000 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		32,579,000	
1331	Thành phố Cao Lãnh	Đèn năng lượng mặt trời (dành cho tuyến đường nông thôn)	Model: AN-SL-X-200W; công suất 200W, Tấm pin năng lượng 36V/260W; Quang thông: 33000 lumen	bộ	**[Chứng chỉ chất lượng]** FCC, RoHS, EMC, IEC, CO/CQ		CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ G-TECH, Đ/c: Tầng 2, số 81, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, ĐT: 0938 614218 (A Giang), áp dụng từ 01/4/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		35,579,000	
1332	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Panasonic 1.5HP dòng inverter	cái					12,790,000	
1333	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Panasonic 1.5HP dòng thường	cái					10,690,000	
1334	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Daikin 1.5 HP dòng inverter	cái					13,490,000	
1335	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Daikin 1.5 HP dòng thường	cái					10,590,000	
1336	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Daikin 2.0 HP dòng inverter	cái					20,490,000	
1337	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Máy lạnh Daikin 2.0 HP dòng thường	cái					16,190,000	
1338	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-50W (90-264VAC, 50W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		6,100,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1339	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-60W (90-264VAC, 60W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		6,500,000	
1340	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-70W (90-264VAC, 70W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		7,000,000	
1341	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-80W (90-264VAC, 80W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		7,800,000	
1342	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-90W (90-264VAC, 90W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		8,600,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1343	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-100W (90-264VAC, 100W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		8,800,000	
1344	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-110W (90-264VAC, 110W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		9,600,000	
1345	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-120W (90-264VAC, 120W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		9,800,000	
1346	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-140W (90-264VAC, 140W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		11,400,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1347	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED MRL-150W (90-264VAC, 150W, ≥ 130 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		11,600,000	
1348	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT MRL-30W (30W, ≥ 160 - 180 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08, LiFePO4, MPPT, Monocrystalline)	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		11,367,000	
1349	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT MRL-60W (60W, ≥ 160 - 180 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08, LiFePO4, MPPT, Monocrystalline)	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		14,626,000	
1350	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Bộ đèn LED NLMT MRL-80W (80W, ≥ 160 - 180 lm/W, 3000K/4000K/5700K, CRI 70, IP66, IK08, LiFePO4, MPPT, Monocrystalline)	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		16,656,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1351	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Thiết bị điều khiển đèn LCU (85-264V, Lora Mesh 920-923MHz, 1000W, 81mm Base Assembly 7Pin, 98mm Transparent Smoke Gray, φ94*98mm)	Cái	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		2,780,000	
1352	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Thiết bị điều khiển trung tâm DCU (85-265V, Lora Mesh 920-923MHz, 4G, 1000W, 285*178*98mm)	Bộ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		51,455,000	
1353	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 1 pha 50A 2 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		77,500,000	
1354	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 1 pha 50A 3 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		78,700,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1355	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 3 pha 50A 2 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		78,000,000	
1356	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 3 pha 50A 3 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		79,200,000	
1357	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 1 pha 75A 2 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		78,500,000	
1358	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 1 pha 75A 3 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		79,700,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1359	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 3 pha 75A 2 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		79,000,000	
1360	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng GPRS 3 pha 75A 3 nhánh	Tủ	TCVN 7722-1:2017 (IEC 60598-1:2014) TCVN 7722-2-3:2019 (IEC 60598-2-3:2011) QCVN 19:2019/BKHCN		CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CƠ ĐIỆN MES; số 37, Huỳnh Văn Lũy, tổ 17, khu phố 3, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương, áp dụng từ ngày 01/6/2024 theo Bảng đăng ký công bố giá của C ty		80,200,000	
1361	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng): VCm 0.5 - (1x16.20)	m	(TCVN 6610-3) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		2,080	
1362	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 1.0 - (1x32.20)	m	(TCVN 6610-3) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		3,702	
1363	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 1.5 - (1x30.25)	m	(TCVN 6610-3) - 450/750V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		5,433	
1364	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 2.5 - (1x50.25)	m	(TCVN 6610-3) - 450/750V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		8,706	
1365	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đơn mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCm 6.0 - (1x120.25)	m	(TCVN 6610-3) - 450/750V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		20,397	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1366	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmd 2x0.5 - (2x16/0.20)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		4,119	
1367	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmd 2x0.75 - (2x24/0.20)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		5,811	
1368	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng)VCmd 2x1.0 - (2x32/0.20)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		7,453	
1369	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmd 2x1.5 - (2x30/0.25)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		10,616	
1370	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện đôi mềm bọc nhựa PVC - (ruột đồng) VCmd 2x2.5 - (2x50/0.25)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		17,214	
1371	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x0.75 - (2x24/0.20)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		6,835	
1372	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x1.0 - (2x32/0.20)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		8,557	
1373	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x1.5 - (2x30/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		12,059	
1374	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x2.5 - (2x50/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		19,423	
1375	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x4.0 - (2x80/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		29,353	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1376	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC OVAL - (ruột đồng) VCmo 2x6.0 - (2x120/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		43,879	
1377	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 2x1.5 - (2x30/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		13,303	
1378	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 2x2.5 - (2x50/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		21,194	
1379	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 2x4.0 - (2x80/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		31,641	
1380	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 2x6.0 - (2x120/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		46,865	
1381	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 3x1.5 -	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		18,706	
1382	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 3x2.5 - (3x50/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		29,552	
1383	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 3x4.0 - (3x80/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		44,277	
1384	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 3x6.0 - (3x120/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		67,163	
1385	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 4x1.5 - (4x30/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		24,278	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1386	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 4x2.5 - (4x50/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		38,208	
1387	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 4x4.0 - (4x80/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		57,909	
1388	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện pha tròn mềm nhựa PVC - (ruột đồng) VVCm 4x6.0 - (4x120/0.25)	m	(TCVN 6610-5) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		87,361	
1389	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 1.5 - (1x7/0.52)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		5,522	
1390	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 2.5 - (1x7/0.67)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		9,005	
1391	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 6.0 - (1x7/1.04)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		19,999	
1392	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 10 - (1x7/1.35)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		33,134	
1393	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 16 - (1x7/1.70)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		50,446	
1394	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CV - (ruột đồng) CV 50 - (1x19/1.80)	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		149,747	
1395	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x1.5 - (2x7/0.52)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		17,721	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1396	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x2.5 - (2x7/0.67)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		25,969	
1397	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x6.0 - (2x7/1.04)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		51,939	
1398	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x10 - (2x7/1.35)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		83,878	
1399	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x1.5 - (3x7/0.52)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		23,383	
1400	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x2.5 - (3x7/0.67)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		34,626	
1401	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x6.0 - (3x7/1.04)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		72,237	
1402	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x10 - (3x7/1.35)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		116,614	
1403	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 4x1.5 - (4x7/0.52)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		29,751	
1404	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 4x2.5 - (4x7/0.67)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		44,078	
1405	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 4x6.0 - (4x7/1.04)	m	(TCVN 6610-4) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		94,923	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1406	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 4x10 - (4x7/1.35)	m	(TCVN 5935-1) - 300/500V		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		151,837	
1407	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 16 - (1x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		54,526	
1408	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 50 - (1x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		156,315	
1409	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x16 - (2x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		130,046	
1410	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 2x50 - (2x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		334,618	
1411	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x16 - (3x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		179,995	
1412	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CVV - (ruột đồng) CVV 3x50 - (3x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		484,963	
1413	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 16 - (1x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		54,625	
1414	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 50 - (1x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		157,508	
1415	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 2x16 - (2x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		125,668	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1416	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 2x50 - (2x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		336,708	
1417	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 3x16 - (3x7/1.70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		177,011	
1418	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế CXV -(ruột đồng) CXV 3x50 - (3x19/1.80)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		488,346	
1419	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		41,342	
1420	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		54,775	
1421	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		72,088	
1422	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		94,923	
1423	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		103,430	
1424	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp điện DUPLEX - (ruộ	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		161,488	
1425	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp Điện Kế - giáp băng nhôm vỏ bọc PVC - (ruột đồng) DKCVV 2x6.0 - (2x7/1.04)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		70,645	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1426	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp Điện Kê - giáp băng nhôm vỏ bọc PVC - (ruột đồng) DKCVV 2x10 - (2x7/1,35)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		101,788	
1427	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp Điện Kê - giáp băng nhôm vỏ bọc PVC - (ruột đồng) DKCVV 2x16 - (2x7/1,70)	m	(TCVN 5935-1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		131,937	
1428	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực AV - (ruột n	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		6,831	
1429	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực AV - (ruột n	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		12,534	
1430	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Dây điện lực AV - (ruột n	m	(AS/NZS 5000.1) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		17,533	
1431	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 2x16 - (2x7/1,35)	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		15,543	
1432	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 2x35 - (2x7/2,52)	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		26,136	
1433	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 2x50 - (2x19/1,83	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		38,214	
1434	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 3x16 - (3x7/1,35)	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		22,473	
1435	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 3x35 - (3x7/2,52)	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		38,214	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1436	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thê: cán ép chặt vỏ cách điện XLPE - (ruột nhôm) LV-ABC 3x50 - (3x19/1.83)	m	(TCVN 6447) - 0.6/1.0kV		Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Lucky Star; số 1702-1704, Võ Văn Kiệt, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TPHCM; 0938 719499 (Chị Nga); áp dụng từ 01/9/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		52,965	
1456	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích tay quay - DN 50	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,700,000	
1457	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích tay quay - DN 65	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,850,000	
1458	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích tay quay - DN 80	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,550,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1459	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích tay quay - DN 100	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		3,000,000	
1460	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích tay quay - DN 125	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		4,500,000	
1461	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích nắp chụp - DN 50	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,650,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1462	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích nắp chụp - DN 65	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,800,000	
1463	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích nắp chụp - DN 80	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,500,000	
1464	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích nắp chụp - DN 100	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,950,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1465	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm mặt bích nắp chụp - DN 125	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Khoảng cách mặt bích: Tiêu chuẩn EN558-14 Áp lực làm việc: PN16 Mặt bích tiêu chuẩn BS4504		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		4,250,000	
1466	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm kiểu EE/FF - DN40 loại thấp lắp ống HDPE	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Áp lực làm việc: PN16 Ngoàm giữ ren đồng		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,050,000	
1467	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm kiểu EE/FF - DN50 loại thấp lắp ống HDPE	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Áp lực làm việc: PN16 Ngoàm giữ ren đồng		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,100,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1468	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm nắp chụp kiểu EE/FF - DN 40 lắp ống HDPE	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Áp lực làm việc: PN16 Ngoàm giữ ren đồng		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,450,000	
1469	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm nắp chụp kiểu EE/FF - DN 50 lắp ống HDPE D63	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Áp lực làm việc: PN16 Ngoàm giữ ren đồng		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,500,000	
1470	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van cổng ty chìm nắp chụp kiểu EE/FF - DN 65 lắp ống HDPE D75	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: EN 1074-1 Trục: Thép không gỉ Áp lực làm việc: PN16 Ngoàm giữ ren đồng		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,850,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1471	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van 1 chiều lá lật mặt bích hiệu ATK DN50	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: BS EN 1074-3 Kiểu kết nối mặt bích: EN1092 PN10/16; BS4504 PN10/16 Tiêu chuẩn độ dài 2 mặt bích: BS EN558-2-48 Áp lực làm		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,400,000	
1472	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van 1 chiều lá lật mặt bích hiệu ATK DN65	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: BS EN 1074-3 Kiểu kết nối mặt bích: EN1092 PN10/16; BS4504 PN10/16 Tiêu chuẩn độ dài 2 mặt bích: BS EN558-2-48 Áp lực làm		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,600,000	
1473	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van 1 chiều lá lật mặt bích hiệu ATK DN80	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: BS EN 1074-3 Kiểu kết nối mặt bích: EN1092 PN10/16; BS4504 PN10/16 Tiêu chuẩn độ dài 2 mặt bích: BS EN558-2-48 Áp lực làm		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,200,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1474	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van 1 chiều lá lật mặt bích hiệu ATK DN100	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: BS EN 1074-3 Kiểu kết nối mặt bích: EN1092 PN10/16; BS4504 PN10/16 Tiêu chuẩn độ dài 2 mặt bích: BS EN558-2-48 Áp lực làm		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		2,800,000	
1475	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Van 1 chiều lá lật mặt bích hiệu ATK DN125	cái	Tiêu chuẩn thiết kế: BS EN 1074-3 Kiểu kết nối mặt bích: EN1092 PN10/16; BS4504 PN10/16 Tiêu chuẩn độ dài 2 mặt bích: BS EN558-2-48 Áp lực làm		Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		3,900,000	
1476	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu BE DN50 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		488,000	
1477	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu BE DN 65 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		535,000	
1478	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu BE DN80 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		744,000	
1479	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu BE DN 100 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		913,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1480	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu BE DN 125 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,009,000	
1481	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu EE DN 50 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		615,000	
1482	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu EE DN 65 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		738,000	
1483	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu EE DN 80 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		923,000	
1484	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu EE DN 100 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,144,000	
1485	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Khớp nối mềm gang cầu EE DN 125 (mm)	bộ			Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL; Số 12 ngõ 104/3 phố Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam; ĐT: 0797.316.352 (Mỹ Lệ)		1,286,000	
1486	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Bàn cầu 2 khối - C-117VA	bộ	QCVN 16:2014/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		2,157,407	
1487	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Bàn cầu 2 khối - C-108VA	bộ	QCVN 16:2014/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		2,361,111	
1488	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Bàn cầu 2 khối - C-514VAN	bộ	QCVN 16:2014/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ		3,240,741	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1489	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Lavabo treo tường (âm bàn) - L-2398VFC	cái	QCVN 16:2014/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,333,333	
1490	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Lavabo treo tường (âm bàn) - L-284VFC	cái	QCVN 16:2014/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		666,667	
1491	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Bồn tiểu - U-116V	cái	TCVN 6073:2005		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		842,593	
1492	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm Inax - Bồn tiểu - UF-8V	cái	TCVN ISO 9001:2008		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,345,455	
1493	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Vòi lavabo lạnh LFV-17	cái	TCVN ISO 9001:2008		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		709,091	
1494	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Bệ xí bệt loại két liền (VF-1858)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		5,925,926	
1495	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Bệ xí bệt loại két liền (VF-1863)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		6,203,704	
1496	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Bệ xí bệt loại két rời (VF-2162)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		3,703,704	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1497	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Bệ xí bệt loại két rời (VF-2397)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		2,685,185	
1498	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm American Standard - Lavabo treo tường - VF-0969	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		824,074	
1499	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm American Standard - Lavabo treo tường - VF-0940	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		768,518	
1500	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm American Standard - Lavabo loại gắn bàn - VF-0476	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,018,518	
1501	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm American Standard - Lavabo loại gắn bàn - VF-0462	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		1,527,777	
1502	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Sản phẩm American Standard - Bồn tiểu nam treo tường (VF-6401)	Bộ	QCVN 16:2023/BXD		Công ty TNHH Lixil Việt Nam; Địa chỉ: Thôn Yên Bình, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, ĐT: 043 8766152; 0292 6280246 - VP đại diện tại Cần Thơ (giá bán đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp), áp dụng từ tháng 5/2024 theo Bảng niêm yết giá của Công ty		2,268,518	
1503	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D42x2.1mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		23,200	
1504	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D49x2.4mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		30,100	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1505	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D60x2.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		31,900	
1506	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D60x2.8mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		44,000	
1507	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D90x2.9mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		68,900	
1508	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D90x3.8mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		89,100	
1509	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D114x3.8mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		114,300	
1510	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D114x4.9mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		146,400	
1511	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D140x4.1mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		164,000	
1512	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D168x5.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		234,900	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1513	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D168x7.3mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		320,100	
1514	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D220x6.6mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		381,000	
1515	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ inch) D220x8.7mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN 8491-2:2011/ ISO 1452-2:2009		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		497,500	
1516	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D110x4.2mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		150,300	
1517	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D140x5.4mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		229,400	
1518	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D160x6.2mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		287,400	
1519	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D200x7.7mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		445,000	
1520	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D250x9.6mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		725,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1521	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D280x10.7mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		865,300	
1522	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống uPVC (hệ mét) D315x9.2mm	mét	ISO 1452-2:2009/TCVN8491-2:2011 , ISO 4422-2:1996/TCVN 6151-2:2002		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		811,700	
1523	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D25 x 2.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		9,790	
1524	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D32 x 2.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		13,140	
1525	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D40 x 2.4mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		20,030	
1526	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D50 x 3.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		30,730	
1527	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D63 x 3.8mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		49,130	
1528	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D75 x 4.5mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		70,060	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1529	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D90 x 5.4mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		99,430	
1530	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D110 x 6.6mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		150,640	
1531	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D140 x 8.3mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		237,380	
1532	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D160 x 9.5mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		311,970	
1533	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D180 x 10.7mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		392,730	
1534	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D200 x 11.9mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		492,160	
1535	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D225 x 13.4mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		604,910	
1536	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D250 x14.8mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		749,470	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1537	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D280 x 16.6mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		933,830	
1538	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D315 x 15.0mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		979,510	
1539	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D315 x 18.7mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		1,189,150	
1540	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D355 x 16.9mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		1,231,750	
1541	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D400 x 19.1mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		1,579,610	
1542	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D450 x 21.5mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		1,982,760	
1543	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D500 x 19.1mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		1,962,010	
1544	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D560 x 21.4mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		2,694,620	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1545	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D630 x 24.1mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		3,414,270	
1546	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Ống HDPE D710 x 27.2mm	mét	BS3505:1986/ASTM D2241:93/TCVN		Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		4,346,920	
1547	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	Nối thẳng	cái			Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		7,300	
1548	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	CO/CÚT 90°	cái			Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		59,400	
1549	Thành phố Cao Lãnh	Vật tư ngành nước	TẤM LẮNG LAMELLA TIẾT DIỆN THANG LMH 50 x 1000 (Tiết diện hình thang 50x22x50	m2			Công ty CP DNP Holding; Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai; ĐT: 0933 069972 (Chị Châu)		7,000,000	
1550	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Que hàn Việt 3,2ly	kg					24,630	
1551	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Que hàn Nhật 3,2ly	kg					34,074	
1552	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Giấy nhám Trung Quốc	tờ					926	
1553	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Đinh dù	kg					23,148	
1554	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Đá chẻ (0,8 m2/bao)	bao					55,556	
1555	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Keo sữa	kg					43,519	
1556	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Keo dán ống uPVC (Bình Minh) 1kg	kg					92,593	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1557	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 kN/m	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		11,050	
1558	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 kN/m	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		14,300	
1559	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 kN/m	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		16,800	
1560	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 kN/m	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		19,000	
1561	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 kN/m	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		22,100	
1562	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		17,500	
1563	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		22,000	
1564	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		28,200	
1565	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		39,000	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1566	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		32,800	
1567	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		60,000	
1568	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		75,000	
1569	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		38,800	
1568	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7	m	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		3,800	
1569	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		28,000	
1570	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		40,000	
1571	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135, chu vi 12,6m2	m	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		1,255,900	
1572	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135, chu vi 9,42m2	m	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		853,200	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1573	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		85,300	
1574	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		740,600	
1575	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		99,000	
1576	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		85,500	
1577	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 600	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		61,700	
1578	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng chống thấm Bentonite APT 3000	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		71,500	
1579	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m (RxD) dày 0,3mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		13,800	
1580	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m (RxD) dày 0,4mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		17,000	
1581	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m (RxD) dày 0,5mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		22,560	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1582	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m (RxD) dày 0,75mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		34,800	
1583	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m (RxD) dày 1,0mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		49,200	
1584	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m (RxD) dày 1,5mm	m2	TCVN 9844:2013		Công ty TNHH Xuất nhập khẩu THÁI CHÂU, số 028 đường S5, Phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại 028.62966260 - 62966270 - 62924999; 0977 775299, đơn giá đến các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng tháp, áp dụng từ ngày 01/8/2024 theo Bảng báo giá của Công ty		70,800	
1585	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P8 (8x10)cm - Dây đan 2.2/3.2mm - dây viền 2.7/3.7mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		50,317	
1586	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P8 (8x10)cm - Dây đan 2.4/3.4mm - dây viền 3.0/4.0mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		53,621	
1587	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P8 (8x10)cm - Dây đan 2.7/3.7mm - dây viền 3.4/4.4mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		63,019	
1588	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P10 (10x12)cm - Dây đan 2.2/3.2mm - dây viền 2.7/3.7mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		46,998	
1589	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P10 (10x12)cm - Dây đan 2.4/3.4mm - dây viền 2.7/3.7mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		50,414	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1590	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Rọ đá, thảm đá bọc nhựa PVC: Loại P10 (10x12)cm - Dây đan 2.7/3.7mm - dây viền 3.4/4.4mm	m2 lưới	TCVN 2053:1993		Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		55,453	
1591	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		18,061	
1592	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		21,148	
1593	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		23,640	
1594	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 15.0kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		26,042	
1595	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 19.0kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		32,252	
1596	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		36,459	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1597	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 24.0kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		42,052	
1598	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục, quy cách (4,0mx250m) - Cường độ chịu kéo 28.0kN/m	m2			Công ty CP SX-TM Liên phát, số 57, Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0906 740499 (Chị Thảo); áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 240601-08/LP-CV ngày 01/8/2024 của Công ty), đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.		50,565	
1599	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-50	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		149,528	
1600	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		212,316	
1601	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		286,964	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1602	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		358,123	
1603	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		415,795	
1604	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 330-200	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 250mm x 210mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		589,741	
1605	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-50	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		141,854	
1606	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		200,015	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1607	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		273,476	
1608	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		340,915	
1609	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		396,029	
1610	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-200	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		546,254	
1611	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-50	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		126,041	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1612	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		195,087	
1613	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		242,082	
1614	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		302,544	
1615	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		351,147	
1616	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-200	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		484,397	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1617	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-50	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		89,066	
1618	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		126,971	
1619	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		171,388	
1620	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		214,409	
1621	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		249,091	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1622	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-200	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		357,656	
1623	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-50	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		74,183	
1624	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		105,577	
1625	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		142,319	
1626	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		177,899	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1627	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		206,735	
1628	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-200	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		284,406	
1629	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái	cái	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	Công ty cổ phần JIVC; địa chỉ: số 508, đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà Nội, ĐT: 0981 586862 - 0936 488860 (A.Trường); giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình nơi xe container vào được, (áp dụng từ 01/3/2024 theo Bảng giá của Công ty).		7,440	
1630	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		200,015	
1631	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		277,727	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1632	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		364,214	
1633	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 356-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		402,184	
1634	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		195,087	
1635	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		245,845	
1636	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		307,247	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1637	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 445-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 340mm x 290mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		356,605	
1638	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420m	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		128,945	
1639	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420m	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		174,052	
1640	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420m	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		217,742	
1641	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 660-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 500mm x 420m	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		253,166	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1642	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-75	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		107,218	
1643	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-100	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		144,531	
1644	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-120	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		180,664	
1645	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb 712-150	m2	TCVN 10544:2014	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		209,948	
1646	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng Neoweb Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái	cái	TCVN 10544:2015	khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm, Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC PYTAGO, Đ/c: Số 2, đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, ĐT: 094 797 3078, áp dụng từ tháng 03/2024 theo Công văn số 06/CV-2024 của Công ty		7,440	

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1647	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 Ron 92-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 15/8/2024		18,982	
1648	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu Diesel 0,05S-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 15/8/2024		17,482	
1649	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu hỏa	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 15/8/2024		17,791	
1650	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 Ron 92-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 22/8/2024		18,564	
1651	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu Diesel 0,05S-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 22/8/2024		17,064	
1652	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu hỏa	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 22/8/2024		17,400	
1653	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 Ron 92-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 29/8/2024		18,482	
1654	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu Diesel 0,05S-II	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 29/8/2024		17,064	
1655	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Dầu hỏa	lít			Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Petrolimex); Áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh từ ngày 29/8/2024		17,400	
1656	Thành phố Cao Lãnh	Vật liệu khác	Nhựa đường 60/70 Shell Singapore (thùng 215kg)	kg			Công ty CP Xuất nhập khẩu hóa dầu Miền Nam; Đ/c: số 71, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM.; ĐT: 086 9081222 (Cẩm Uyên); giá bán tại TPCL, áp dụng từ ngày 10/8/2023 theo CV Thông báo giá của Công ty		16,100	
1667	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2006		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		263,636	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1668	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2006		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		245,455	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1669	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 0.5x1	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2006		Cửa hàng VLXD Lê Long (đ/c: số 153, An Nhơn, tổ 10, k5, F6, TP. Cao Lãnh); ĐT: 02772.221.232-Ngân		305,556	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1670	Huyện Châu Thành	Đá xây dựng	Đá 0.5x1	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2006		Công ty TNHH MTV Phát Duy Nha Mân; Đ/c số 80, ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 615596		390,909	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1671	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Đá 0.5x1	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2006		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		309,091	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1672	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		Cửa hàng VLXD Lê Long (đ/c: số 153, An Nhơn, tổ 10, k5, F6, TP. Cao Lãnh); ĐT: 02772.221.232-Ngân		404,545	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1673	Huyện Châu Thành	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		Công ty TNHH MTV Phát Duy Nha Mân; Đ/c số 80, ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 615596		409,091	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1674	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		354,545	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1675	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		Cửa hàng VLXD Lê Long (đ/c: số 153, An Nhơn, tổ 10, k5, F6, TP. Cao Lãnh); ĐT: 02772.221.232-Ngân		359,091	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1676	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		336,364	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1677	Thành phố Cao Lãnh	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		Cửa hàng VLXD Lê Long (đ/c: số 153, An Nhơn, tổ 10, k5, F6, TP. Cao Lãnh); ĐT: 02772.221.232-Ngân		350,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1678	Huyện Lấp Vò	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		345,455	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1679	Huyện Châu Thành	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	TCVN 10321:2014; TCVN 7570-2007		Công ty TNHH MTV Phát Duy Nha Mân; Đ/c số 80, ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 615596		381,818	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1680	Huyện Châu Thành	Đất đắp	Đất đắp	m3			Công ty TNHH MTV Phát Duy Nha Mân; Đ/c số 80, ấp Tân Thuận, xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 02773 615596		290,909	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1681	Huyện Lấp Vò	Đất đắp	Đất đắp	m3			DNTN Huỳnh Tấn Bên; Đ/c: số 766, ấp Vĩnh Bình A, xã Vĩnh Thạnh, H. Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; ĐT: 0985 772858		310,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1682	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn D6: CB-240T	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1683	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép cuộn D8: CB-240T	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1684	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10: CB300-V /SD295	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1685	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12-25: CB300-V /SD295	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1686	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D10: CB-400V	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1687	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D12, D14, D16, D18, D20, D22, D25, D28, D32: CB-400V	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1688	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D13, 19, 29: CB-400V	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1689	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D35, D36: CB-400V	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,440	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1690	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép thanh vằn D38, D40, D41, D43: CB-400V	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,540	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1691	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	D10: CB500-V /SD490	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1692	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	D12, D14, D16, D18, D20, D22, D25, D28, D32: CB500-V /SD490	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1693	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	D36: CB500-V /SD490	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,440	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1694	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	D40: CB500-V /SD490	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,540	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1695	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	TR19, TR22, TR28, TR32	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1696	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	TR35, TR36: CB400-V /SD390	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,440	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1697	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	TR38, TR41, TR43: CB400-V /SD390	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,540	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1698	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	P14, P16, P18: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		15,990	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1699	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	P20, P22, P25: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,090	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1700	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	P28, P30, P32: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,290	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1701	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	P36, P38, P40: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,490	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1702	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép góc V40x40x3 / V40x40x4: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,490	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1703	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép góc V50x50x4 / V50x50x5: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,490	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1704	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép góc V60x60x5 / V65x65x6: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,490	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1705	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép góc V75x75x6 / V75x75x8: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,490	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1706	Thành phố Cao Lãnh	Thép xây dựng	Thép góc V100x100x10: CB300-T/SS400	kg	Thép D6-8: JIS:G3505-SWRW10; JIS:G3505-SWRW11; JIS:G3505-SWRW12; Thép D12-43: JIS:G3115-SD295A		Công ty TNHH Thép VINA KYOEI (Đ/c: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ĐT: 0768 953173 (A. Bách). Giá bán đã bao gồm vận chuyển đến TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (áp dụng từ 01/7/2024 theo Bảng báo giá của Công ty)		16,590	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1707	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tròn D=0,9m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		2,795,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1708	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tròn D=1,26m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		6,382,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1709	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tròn D=1,4m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		8,294,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1710	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tam giác L=0,9m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,466,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1711	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tam giác L=1,26m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		2,395,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1712	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển tam giác L=1,4m	cái	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		3,211,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1713	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển CN, S<1m2	m2	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		4,154,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1714	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển CN, S<5m2	m2	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		5,538,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1715	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Biển CN, S>5m2	m2	- QCVN 41:2019/BGTVT: - ASTM B209-H34 - TCVN7859 - SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		6,923,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1716	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Cột đỡ biển báo D88,3x3 mạ kẽm	m	- SS400 - ASTM A123 - TCVN 7887:2018		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		689,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1717	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Giá long môn	kg	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		56,700	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1718	Thành phố Cao Lãnh	Biển báo	Cột tay vươn	kg	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		55,900	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1719	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 697x310x4mm (tấm sóng cong đặc biệt, 2 đầu)	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		776,830	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1720	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 3320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,988,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1721	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 2 sóng, 6320x310x4mm	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		3,709,500	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1722	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Hộ lan tôn sóng mạ kẽm loại 3 sóng, 4330x460x4mm	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		4,374,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1723	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Hộ lan tấm sóng nối loại 2 sóng và 3 sóng , 4330x460x4 mm	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		2,980,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1724	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Tấm cuối 610x310x4mm (2 sóng)	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		618,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1725	Thành phố Cao Lãnh	Tôn lượn sóng cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Tấm cuối 610x460x4mm (3 sóng)	tấm	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		988,800	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1726	Thành phố Cao Lãnh		Hộp đệm (70x300x5)	cái	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		48,900	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1727	Thành phố Cao Lãnh		Hộp đệm (389x624x4,3)mm	cái	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		721,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1728	Thành phố Cao Lãnh		Tiêu phản quang	cái	- SS400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		9,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1729	Thành phố Cao Lãnh		Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2500mm	cột	- STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,727,500	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1730	Thành phố Cao Lãnh		Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x2150mm	cột	- STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,519,100	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1731	Thành phố Cao Lãnh		Cột tôn lượn sóng D141,3x4,5x1500mm	cột	- STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,091,600	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1732	Thành phố Cao Lãnh		Bulong M16x33	cái			Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		9,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1733	Thành phố Cao Lãnh		Bulong M18x40	cái			Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		12,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1734	Thành phố Cao Lãnh		Bulong M20x180	cái			Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		40,000	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc

Mã hiệu	Huyện	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất, kinh doanh	Xuất xứ	Giá (chưa có VAT) (*)	Ghi chú
1735	Thành phố Cao Lãnh	Lưới chống chói cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Lưới chống chói (tấm đầu cuối) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tai cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,191,480	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1736	Thành phố Cao Lãnh	Lưới chống chói cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Lưới chống chói loại 2m thông thường (tấm giữa) - Khung thép D33,5 dày 3mm, tấm tôn tai cột 50x75 dày 3mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		1,453,030	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1737	Thành phố Cao Lãnh	Lưới chống chói cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=748mm) bao gồm tai cột, gân cột , cho các vị trí giữa	cột	- STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		314,100	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1738	Thành phố Cao Lãnh	Lưới chống chói cho đường cao tốc và đường gom, đáp ứng TCCS20:2018/TCĐBVN	Trụ ống thép D60 dày 3mm (H=250mm) bao gồm tai cột, gân cột, cho các vị trí chuyển tiếp	cột	- STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		177,600	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1739	Thành phố Cao Lãnh	Hàng rào bảo vệ B40	Tấm lưới rào B40 KT 1500x2730mm, khung thép ống D50x3mm, lưới thép 4mm, mắt lưới 63x63mm	tấm	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		2,826,950	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1740	Thành phố Cao Lãnh	làng rào bảo vệ B4	Cột ống thép D60x3mm, L=1.44, bịt đầu mũ chỏm cầu, đế cột và tai liên kết (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		669,990	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1741	Thành phố Cao Lãnh	làng rào bảo vệ B4	Cột ống chịu lực D60x3mm, L=1.59, mặt bích 120x10mm (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		662,240	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1742	Thành phố Cao Lãnh	Hàng rào bảo vệ thép gai	Dây thép gai 2x2,5mm	md			Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		5,500	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1743	Thành phố Cao Lãnh	Hàng rào bảo vệ thép gai	Cột chịu lực ống thép D60x3mm, L=1.59m (Trụ móng)	cột	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		721,140	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc
1744	Thành phố Cao Lãnh	Hàng rào bảo vệ thép gai	Cột ống thép D60x3mm, L=1.64m, bản thép đế cọc và 12 móc thép D8-L120mm (cột chịu lực trên)	cột	- SS400 - STK400 - ASTM A123		Công ty Cổ phần Indecons Vina; Đ/c số 2A, ngõ 34 đường Âu Cơ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội; ĐT: 088 688 2076; 0942 604937 (A. Hiếu) (áp dụng từ 01/6/2024 theo CV số 68-2024/CV ngày 24/6/2024 của Công ty)		789,060	VLXD theo tiêu chuẩn thiết kế và thi công đường cao tốc